

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ
NĂM 2023
(Cập nhật đến 11g00 ngày 20/7/2023)**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1	01002417	Hà Đức Minh	15/02/2005	Y khoa
2	01002417	Hà Đức Minh	15/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3	01003369	Nguyễn Minh Thư	28/08/2005	Dược học
4	01003444	Nguyễn Quốc Dương	28/10/2005	Y khoa
5	01003506	Hoàng Vũ Minh Giang	18/04/2005	Y khoa
6	01003506	Hoàng Vũ Minh Giang	18/04/2005	Dược học
7	01003506	Hoàng Vũ Minh Giang	18/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
8	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Y khoa
9	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
10	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Y học cổ truyền
11	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Y học dự phòng
12	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Điều dưỡng
13	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
14	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
15	01004493	Trần Minh Ngọc	14/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
16	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Y khoa
17	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Dược học
18	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Y học dự phòng
19	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Y tế công cộng
20	01005995	Mai Nguyên Phương	06/07/2005	Dược học
21	01007489	Nguyễn Đoàn Trường	21/12/2005	Y khoa
22	01009770	Nguyễn Tùng Chi	19/05/2005	Y khoa
23	01009770	Nguyễn Tùng Chi	19/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
24	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Y khoa
25	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
26	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Y học dự phòng
27	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
28	01011475	Nguyễn Thái Hưng	22/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
29	01012938	Đặng Hải Phong	05/04/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
30	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y khoa
31	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Dược học
32	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y học cổ truyền
33	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y học dự phòng
34	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y tế công cộng
35	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
36	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
37	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
38	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
39	01016627	Trần Minh Châu	22/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
40	01016874	Nguyễn Thùy Dương	22/02/2005	Y khoa
41	01016874	Nguyễn Thùy Dương	22/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
42	01018159	Phạm Thảo Ngân	08/10/2004	Y khoa
43	01018426	Lê Thị Mỹ Hòa	13/10/2005	Y khoa
44	01018426	Lê Thị Mỹ Hòa	13/10/2005	Dược học
45	01018426	Lê Thị Mỹ Hòa	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
46	01018744	Đỗ Nguyễn Khánh	15/06/2005	Y khoa
47	01018744	Đỗ Nguyễn Khánh	15/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
48	01020053	Tạ Hoàng Phương Linh	05/04/2005	Dược học
49	01021056	Nguyễn Bình Nhi	04/08/2005	Y khoa
50	01021123	Hoàng Lê Hà Phương	01/08/2005	Dược học
51	01021123	Hoàng Lê Hà Phương	01/08/2005	Y học cổ truyền
52	01024200	Thiều Đăng Khoa	24/07/2005	Dược học
53	01024623	Phạm Minh Khuê	11/07/2005	Y khoa
54	01024623	Phạm Minh Khuê	11/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
55	01025353	Trần Lê Minh	24/07/2005	Y khoa
56	01025353	Trần Lê Minh	24/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
57	01025501	Nguyễn Việt Phương	07/09/2005	Y khoa
58	01025501	Nguyễn Việt Phương	07/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
59	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y khoa
60	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Dược học
61	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
62	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y học cổ truyền
63	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y học dự phòng
64	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y tế công cộng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
65	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Dinh dưỡng
66	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Điều dưỡng
67	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
68	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
69	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Hộ sinh
70	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
71	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
72	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
73	01032071	Hoàng Minh Tâm	04/02/2005	Dược học
74	01032877	Đỗ Thị Hoa Chăm	25/08/2005	Y khoa
75	01053359	Hoàng Bảo Minh	14/12/2004	Y khoa
76	01053359	Hoàng Bảo Minh	14/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
77	01053360	Hoàng Ngọc Minh	14/12/2004	Y khoa
78	01053360	Hoàng Ngọc Minh	14/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
79	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Y khoa
80	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Dược học
81	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
82	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
83	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
84	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
85	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
86	02000103	Phạm Đức Duy	01/05/2005	Dược học
87	02000418	Nguyễn Hoàng Phú	04/11/2005	Y khoa
88	02000418	Nguyễn Hoàng Phú	04/11/2005	Dược học
89	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Y khoa
90	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Dược học
91	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
92	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Y khoa
93	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Dược học
94	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Điều dưỡng
95	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
96	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Y khoa
97	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Dược học
98	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
99	02000777	Lê Quang Đăng	28/02/2005	Dược học
100	02000784	Võ Minh Đức	22/09/2005	Dược học
101	02000784	Võ Minh Đức	22/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
102	02000799	Bùi Phạm Gia Hân	17/01/2005	Y khoa
103	02000825	Nguyễn Phan Gia Huy	01/06/2005	Y khoa
104	02000825	Nguyễn Phan Gia Huy	01/06/2005	Dược học
105	02000825	Nguyễn Phan Gia Huy	01/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
106	02000835	Nguyễn Việt Hưng	08/03/2005	Y khoa
107	02000835	Nguyễn Việt Hưng	08/03/2005	Dược học
108	02000835	Nguyễn Việt Hưng	08/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
109	02000915	Trần Khánh Linh	18/03/2005	Dược học
110	02000947	Nguyễn Nhật Minh	22/10/2005	Dược học
111	02000950	Nguyễn Tuấn Minh	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
112	02000955	Trần Quang Minh	04/11/2005	Dược học
113	02001014	Trang Minh Nhật	12/08/2005	Dược học
114	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Y khoa
115	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Dược học
116	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Y học cổ truyền
117	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
118	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Dinh dưỡng
119	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
120	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
121	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Y khoa
122	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Dược học
123	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
124	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
125	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
126	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
127	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
128	02001074	Nguyễn Phương Quân	27/09/2005	Y khoa
129	02001074	Nguyễn Phương Quân	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
130	02001077	Huỳnh Đức Quốc	08/01/2005	Dược học
131	02001077	Huỳnh Đức Quốc	08/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
132	02001089	Nguyễn Ngọc Lam Quỳnh	25/12/2005	Y khoa
133	02001089	Nguyễn Ngọc Lam Quỳnh	25/12/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
134	02001089	Nguyễn Ngọc Lam Quỳnh	25/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
135	02001099	Trần Thái Nhật Tâm	17/05/2005	Y khoa
136	02001099	Trần Thái Nhật Tâm	17/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
137	02001099	Trần Thái Nhật Tâm	17/05/2005	Y học cổ truyền
138	02001102	Lê Thiên Thanh	28/08/2005	Y khoa
139	02001102	Lê Thiên Thanh	28/08/2005	Dược học
140	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Y khoa
141	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Dược học
142	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
143	02001117	Đặng Quang Thiên	24/03/2005	Y khoa
144	02001117	Đặng Quang Thiên	24/03/2005	Dược học
145	02001164	Phan Bảo Trân	02/11/2005	Y khoa
146	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Y khoa
147	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
148	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
149	02001180	Nguyễn Lê Minh Trực	29/10/2005	Dược học
150	02001189	Phạm Minh Tuấn	04/04/2005	Dược học
151	02002588	Lưu Thanh Trúc	02/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
152	02002588	Lưu Thanh Trúc	02/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
153	02002588	Lưu Thanh Trúc	02/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
154	02003111	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	15/11/2005	Dược học
155	02003619	Lê Nhật Quang	20/10/2005	Dược học
156	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Y khoa
157	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Dược học
158	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Y học cổ truyền
159	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
160	02003801	Hồ Phan Châu Anh	19/05/2005	Y khoa
161	02003801	Hồ Phan Châu Anh	19/05/2005	Dược học
162	02003801	Hồ Phan Châu Anh	19/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
163	02003827	Phạm Minh Anh	10/10/2005	Y khoa
164	02003827	Phạm Minh Anh	10/10/2005	Dược học
165	02003827	Phạm Minh Anh	10/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
166	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y khoa
167	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Dược học
168	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
169	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y học cổ truyền
170	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y học dự phòng
171	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y tế công cộng
172	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Dinh dưỡng
173	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
174	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
175	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
176	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
177	02003871	Võ Thành Chương	16/06/2005	Dược học
178	02003871	Võ Thành Chương	16/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
179	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Y khoa
180	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Dược học
181	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
182	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
183	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
184	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
185	02003917	Trần Lâm Trí Đức	06/07/2005	Y khoa
186	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y khoa
187	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Dược học
188	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
189	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y học cổ truyền
190	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y học dự phòng
191	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y tế công cộng
192	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Dinh dưỡng
193	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Điều dưỡng
194	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
195	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
196	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Hộ sinh
197	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
198	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
199	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
200	02004014	Nguyễn Đan Uyên Khanh	18/06/2005	Dược học
201	02004030	Võ Anh Khoa	26/09/2005	Y khoa
202	02004030	Võ Anh Khoa	26/09/2005	Dược học
203	02004030	Võ Anh Khoa	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
204	02004060	Thái Thư Kỳ	07/11/2005	Dược học
205	02004060	Thái Thư Kỳ	07/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
206	02004075	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
207	02004075	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
208	02004075	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
209	02004114	Nguyễn Đỗ Khải Minh	07/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
210	02004151	Nguyễn Trương Xuân Nghi	17/05/2005	Dược học
211	02004213	Trần Ngọc Phương Nhi	12/08/2005	Y khoa
212	02004241	Trần Gia Phụng	22/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
213	02004243	Diêu Âu Uyên Phương	05/05/2005	Y khoa
214	02004243	Diêu Âu Uyên Phương	05/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
215	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Dược học
216	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Y học cổ truyền
217	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Y học dự phòng
218	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Y tế công cộng
219	02004335	Vũ Lê Anh Thư	22/02/2005	Y khoa
220	02004436	Hoàng Thị Hoài An	31/10/2005	Y khoa
221	02004443	Nguyễn Phạm Khánh An	04/06/2005	Dược học
222	02004443	Nguyễn Phạm Khánh An	04/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
223	02004443	Nguyễn Phạm Khánh An	04/06/2005	Y học cổ truyền
224	02004451	Bùi Hoàng Tuyết Anh	17/12/2005	Y khoa
225	02004451	Bùi Hoàng Tuyết Anh	17/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
226	02004455	Chu Quốc Anh	05/05/2005	Dược học
227	02004455	Chu Quốc Anh	05/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
228	02004462	Đinh Trần Tú Anh	14/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
229	02004467	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	24/02/2005	Dược học
230	02004472	Nguyễn Hải Anh	28/02/2005	Dược học
231	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Y khoa
232	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Dược học
233	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
234	02004479	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/01/2005	Y khoa
235	02004480	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	17/05/2005	Y khoa
236	02004480	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	17/05/2005	Dược học
237	02004480	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	17/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
238	02004493	Phạm Quốc Anh	11/06/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
239	02004494	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005	Y khoa
240	02004494	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005	Dược học
241	02004494	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
242	02004500	Trần Hoàng Anh	11/12/2005	Y khoa
243	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Y khoa
244	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Dược học
245	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
246	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Y học cổ truyền
247	02004539	Nguyễn Gia Bảo	12/04/2005	Y khoa
248	02004540	Nguyễn Hữu Gia Bảo	15/07/2005	Y khoa
249	02004545	Thới Lê Văn Bảo	16/12/2005	Y khoa
250	02004545	Thới Lê Văn Bảo	16/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
251	02004550	Trịnh Quốc Bảo	20/03/2005	Dược học
252	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Y khoa
253	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Dược học
254	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
255	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Dinh dưỡng
256	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
257	02004553	Trương Sanh Gia Bảo	15/01/2005	Y khoa
258	02004553	Trương Sanh Gia Bảo	15/01/2005	Dược học
259	02004553	Trương Sanh Gia Bảo	15/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
260	02004554	Vũ Hoàng Ngọc Bảo	21/07/2005	Y khoa
261	02004561	Nguyễn Nhật Bình	27/07/2005	Y khoa
262	02004562	Nguyễn Thanh Bình	03/12/2005	Y khoa
263	02004562	Nguyễn Thanh Bình	03/12/2005	Dược học
264	02004571	Đoàn Ngô Minh Châu	18/02/2005	Y khoa
265	02004571	Đoàn Ngô Minh Châu	18/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
266	02004573	Ôn Lê Châu	19/12/2005	Y khoa
267	02004573	Ôn Lê Châu	19/12/2005	Dược học
268	02004618	Nguyễn Thanh Duy	27/01/2005	Y khoa
269	02004618	Nguyễn Thanh Duy	27/01/2005	Dược học
270	02004618	Nguyễn Thanh Duy	27/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
271	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y khoa
272	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Dược học
273	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
274	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y học cổ truyền
275	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y học dự phòng
276	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y tế công cộng
277	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Dinh dưỡng
278	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Điều dưỡng
279	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật phục hình răng
280	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
281	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Hộ sinh
282	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
283	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
284	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
285	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Y khoa
286	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Dược học
287	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
288	02004637	Phạm Nguyễn Ánh Dương	18/01/2005	Y khoa
289	02004637	Phạm Nguyễn Ánh Dương	18/01/2005	Dược học
290	02004637	Phạm Nguyễn Ánh Dương	18/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
291	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Y khoa
292	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Dược học
293	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
294	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
295	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
296	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Y khoa
297	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Dược học
298	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
299	02004677	Trương Trọng Đức	07/02/2005	Y khoa
300	02004677	Trương Trọng Đức	07/02/2005	Dược học
301	02004677	Trương Trọng Đức	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
302	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Y khoa
303	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Dược học
304	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
305	02004681	Lê Hồng Ngọc Giang	19/06/2005	Y khoa
306	02004689	Lê Thanh Giao	06/09/2005	Dược học
307	02004699	Trần Ngọc Khánh Hà	28/02/2005	Dược học
308	02004712	Phùng Minh Hằng	18/01/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
309	02004712	Phùng Minh Hằng	18/01/2005	Dược học
310	02004712	Phùng Minh Hằng	18/01/2005	Dinh dưỡng
311	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y khoa
312	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Dược học
313	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
314	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y học cổ truyền
315	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y học dự phòng
316	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y tế công cộng
317	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Dinh dưỡng
318	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Điều dưỡng
319	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật phục hình răng
320	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
321	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
322	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
323	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
324	02004743	Nguyễn Lê Minh Hòa	29/12/2005	Y khoa
325	02004743	Nguyễn Lê Minh Hòa	29/12/2005	Dược học
326	02004743	Nguyễn Lê Minh Hòa	29/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
327	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y khoa
328	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Dược học
329	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
330	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y học cổ truyền
331	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y học dự phòng
332	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y tế công cộng
333	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Dinh dưỡng
334	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Điều dưỡng
335	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
336	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
337	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
338	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
339	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
340	02004751	Trương Công Huy Hoàng	21/01/2005	Y khoa
341	02004754	Nguyễn Võ Phước Hồng	28/08/2005	Dược học
342	02004754	Nguyễn Võ Phước Hồng	28/08/2005	Dinh dưỡng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
343	02004756	Đặng Sinh Hùng	21/09/2005	Y khoa
344	02004756	Đặng Sinh Hùng	21/09/2005	Dược học
345	02004756	Đặng Sinh Hùng	21/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
346	02004760	Đinh Bảo Huy	06/09/2005	Y khoa
347	02004760	Đinh Bảo Huy	06/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
348	02004764	Hồ Đức Huy	31/08/2005	Y khoa
349	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Dược học
350	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
351	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Y học cổ truyền
352	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Y học dự phòng
353	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
354	02004802	Nguyễn Vĩ Kha	06/04/2005	Y khoa
355	02004802	Nguyễn Vĩ Kha	06/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
356	02004845	Nguyễn Trí Anh Khoa	21/01/2005	Y khoa
357	02004845	Nguyễn Trí Anh Khoa	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
358	02004854	Nguyễn Đình Khôi	15/09/2005	Y khoa
359	02004854	Nguyễn Đình Khôi	15/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
360	02004857	Nguyễn Lê Đăng Khôi	08/11/2005	Y khoa
361	02004857	Nguyễn Lê Đăng Khôi	08/11/2005	Dược học
362	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Y khoa
363	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Dược học
364	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
365	02004861	Trương Minh Khôi	01/01/2005	Y khoa
366	02004861	Trương Minh Khôi	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
367	02004877	Trần Ngọc Phương Nhi	14/04/2005	Y khoa
368	02004877	Trần Ngọc Phương Nhi	14/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
369	02004880	Võ Trần Yến Nhi	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
370	02004881	Hoàng Hồng Nhiên	31/05/2005	Y khoa
371	02004881	Hoàng Hồng Nhiên	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
372	02004892	Hồ Võ Hằng Ni	23/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
373	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Y khoa
374	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Dược học
375	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Y học cổ truyền
376	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Y khoa
377	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
378	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
379	02004912	Phan Minh Phúc	14/02/2005	Y khoa
380	02004912	Phan Minh Phúc	14/02/2005	Dược học
381	02004917	Nguyễn Trương Hoàng Phước	26/05/2005	Y khoa
382	02004917	Nguyễn Trương Hoàng Phước	26/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
383	02004932	Phạm Tấn Thịnh	26/01/2005	Y khoa
384	02004932	Phạm Tấn Thịnh	26/01/2005	Dược học
385	02004932	Phạm Tấn Thịnh	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
386	02004956	Nguyễn Lê Minh Thư	24/01/2005	Dược học
387	02004961	Nguyễn Thái Minh Thư	08/12/2005	Y khoa
388	02004961	Nguyễn Thái Minh Thư	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
389	02004964	Nguyễn Tú Anh Thư	24/03/2005	Y khoa
390	02004964	Nguyễn Tú Anh Thư	24/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
391	02004978	Lê Nguyễn Minh Thy	30/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
392	02004978	Lê Nguyễn Minh Thy	30/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
393	02004978	Lê Nguyễn Minh Thy	30/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
394	02004987	Lê Ngọc Thủy Tiên	01/11/2005	Y khoa
395	02004993	Hứa Mẫn Tiến	04/04/2005	Y khoa
396	02004993	Hứa Mẫn Tiến	04/04/2005	Dược học
397	02004993	Hứa Mẫn Tiến	04/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
398	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Y khoa
399	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Dược học
400	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
401	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
402	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
403	02005009	Phan Quỳnh Trang	27/09/2005	Dược học
404	02005009	Phan Quỳnh Trang	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
405	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Y khoa
406	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Dược học
407	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
408	02005024	Phạm Ân Trân	01/09/2005	Y khoa
409	02005024	Phạm Ân Trân	01/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
410	02005037	Nguyễn Ngọc Minh Trí	11/10/2005	Y khoa
411	02005037	Nguyễn Ngọc Minh Trí	11/10/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
412	02005044	Kiều Công Triết	08/01/2005	Y khoa
413	02005044	Kiều Công Triết	08/01/2005	Dược học
414	02005044	Kiều Công Triết	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
415	02005046	Nguyễn Minh Triết	19/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
416	02005048	Nguyễn Trần Minh Triết	26/09/2005	Y khoa
417	02005048	Nguyễn Trần Minh Triết	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
418	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Y khoa
419	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Dược học
420	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
421	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
422	02005081	Trương Hoàng Tuấn	13/09/2005	Y khoa
423	02005085	Trần Huy Tùng	15/03/2005	Y khoa
424	02005093	Ngô Hoàng Nhã Uyên	08/01/2005	Y khoa
425	02005093	Ngô Hoàng Nhã Uyên	08/01/2005	Dược học
426	02005099	Thái Toại Nhật Uyên	04/11/2005	Y khoa
427	02005099	Thái Toại Nhật Uyên	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
428	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y khoa
429	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Dược học
430	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
431	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y học cổ truyền
432	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y học dự phòng
433	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y tế công cộng
434	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Dinh dưỡng
435	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Điều dưỡng
436	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
437	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
438	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Hộ sinh
439	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
440	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
441	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
442	02005109	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	19/04/2005	Y khoa
443	02005109	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	19/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
444	02005116	Trần Quốc Việt	19/01/2005	Y khoa
445	02005116	Trần Quốc Việt	19/01/2005	Dược học
446	02005116	Trần Quốc Việt	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
447	02005119	Lê Công Vinh	20/04/2005	Y khoa
448	02005119	Lê Công Vinh	20/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
449	02005120	Nguyễn Phú Vinh	26/05/2005	Dược học
450	02005134	Nguyễn Thúy Vy	22/02/2005	Dược học
451	02005155	Đinh Minh Khánh Huyền	16/04/2005	Y khoa
452	02005155	Đinh Minh Khánh Huyền	16/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
453	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Y khoa
454	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
455	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
456	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Dược học
457	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Dinh dưỡng
458	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
459	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
460	02005164	Ngô Thế Khang	13/03/2005	Y khoa
461	02005168	Nguyễn Ngọc Minh Khánh	07/10/2005	Y khoa
462	02005168	Nguyễn Ngọc Minh Khánh	07/10/2005	Dược học
463	02005169	Phạm Ngọc Gia Khiêm	09/06/2005	Y khoa
464	02005169	Phạm Ngọc Gia Khiêm	09/06/2005	Dược học
465	02005169	Phạm Ngọc Gia Khiêm	09/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
466	02005173	Phạm Trần Anh Khoa	09/04/2005	Y khoa
467	02005173	Phạm Trần Anh Khoa	09/04/2005	Dược học
468	02005178	Nguyễn Đức Khôi	23/12/2005	Y khoa
469	02005178	Nguyễn Đức Khôi	23/12/2005	Dược học
470	02005178	Nguyễn Đức Khôi	23/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
471	02005194	Trương Trung Kiên	09/03/2005	Y khoa
472	02005194	Trương Trung Kiên	09/03/2005	Dược học
473	02005194	Trương Trung Kiên	09/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
474	02005207	Nguyễn Hoàng Bảo Lam	12/07/2005	Y khoa
475	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Dược học
476	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
477	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Y học dự phòng
478	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Y tế công cộng
479	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Dinh dưỡng
480	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
481	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
482	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Dược học
483	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
484	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y học cổ truyền
485	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y học dự phòng
486	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y tế công cộng
487	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Dinh dưỡng
488	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Điều dưỡng
489	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật phục hình răng
490	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
491	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
492	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
493	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
494	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Y khoa
495	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Dược học
496	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
497	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Y học cổ truyền
498	02005223	Kuang Kai 4	02/06/2005	Y khoa
499	02005223	Kuang Kai 4	02/06/2005	Dược học
500	02005249	Trần Vương Khánh Linh	21/02/2005	Y khoa
501	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Y khoa
502	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Dược học
503	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
504	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Y học cổ truyền
505	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Y khoa
506	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Dược học
507	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
508	02005270	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	05/07/2005	Y khoa
509	02005270	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
510	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Y khoa
511	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Dược học
512	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
513	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
514	02005284	Huỳnh Nguyễn Hiểu Minh	27/09/2005	Y khoa
515	02005284	Huỳnh Nguyễn Hiểu Minh	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
516	02005287	Lê Hồng Minh	23/09/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
517	02005287	Lê Hồng Minh	23/09/2005	Dược học
518	02005292	Ngô Hoàng Lê Minh	10/06/2005	Dược học
519	02005292	Ngô Hoàng Lê Minh	10/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
520	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Y khoa
521	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Dược học
522	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
523	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Y học cổ truyền
524	02005325	Thuyền Quách Vĩ Na	30/08/2005	Y khoa
525	02005327	Đỗ Thành Nam	14/08/2005	Y khoa
526	02005327	Đỗ Thành Nam	14/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
527	02005344	Đặng Vũ Tuyết Ngân	06/02/2005	Y khoa
528	02005344	Đặng Vũ Tuyết Ngân	06/02/2005	Dược học
529	02005344	Đặng Vũ Tuyết Ngân	06/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
530	02005351	Nguyễn Khánh Ngân	26/08/2005	Y khoa
531	02005351	Nguyễn Khánh Ngân	26/08/2005	Dược học
532	02005353	Nguyễn Vũ Kim Ngân	22/07/2005	Y khoa
533	02005353	Nguyễn Vũ Kim Ngân	22/07/2005	Dược học
534	02005353	Nguyễn Vũ Kim Ngân	22/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
535	02005365	Ngô Phương Nghi	18/07/2005	Dược học
536	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Y tế công cộng
537	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Dinh dưỡng
538	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Điều dưỡng
539	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
540	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
541	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Hộ sinh
542	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
543	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
544	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
545	02005378	Huỳnh Hữu Nghiêm	03/11/2005	Y khoa
546	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Y khoa
547	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Dược học
548	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
549	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
550	02005382	Huỳnh Mai Ngọc	24/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
551	02005393	Phạm Ngô Minh Ngọc	23/08/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
552	02005396	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	28/12/2005	Dược học
553	02005397	Trần Thanh Hoàng Ngọc	30/08/2005	Y khoa
554	02005397	Trần Thanh Hoàng Ngọc	30/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
555	02005404	Lại Võ Trọng Nguyên	07/10/2005	Dược học
556	02005415	Phạm Trọng Nguyên	03/07/2005	Dược học
557	02005415	Phạm Trọng Nguyên	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
558	02005420	Nguyễn Việt Nguyễn	17/09/2005	Dược học
559	02005424	Nguyễn Phúc Thanh Nhân	11/10/2005	Dược học
560	02005424	Nguyễn Phúc Thanh Nhân	11/10/2005	Điều dưỡng
561	02005427	Lê Bảo Thiện Nhân	12/03/2005	Y khoa
562	02005441	Ngô Thảo Nhi	06/08/2005	Y khoa
563	02005441	Ngô Thảo Nhi	06/08/2005	Dược học
564	02005447	Nguyễn Thảo Nhi	12/07/2005	Y khoa
565	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Y khoa
566	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Dược học
567	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
568	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
569	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y khoa
570	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Dược học
571	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
572	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y học cổ truyền
573	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y học dự phòng
574	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y tế công cộng
575	02005477	Lê Hồ Nam Phương	07/02/2005	Dược học
576	02005477	Lê Hồ Nam Phương	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
577	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Y khoa
578	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Dược học
579	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
580	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Y học dự phòng
581	02005501	Đặng Lê Quang	25/05/2005	Y khoa
582	02005501	Đặng Lê Quang	25/05/2005	Dược học
583	02005501	Đặng Lê Quang	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
584	02005502	Đỗ Đăng Quang	24/01/2005	Y khoa
585	02005502	Đỗ Đăng Quang	24/01/2005	Dược học
586	02005502	Đỗ Đăng Quang	24/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
587	02005513	Bùi Võ Minh Quân	03/07/2005	Y khoa
588	02005513	Bùi Võ Minh Quân	03/07/2005	Dược học
589	02005513	Bùi Võ Minh Quân	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
590	02005517	Hồ Minh Quân	03/01/2005	Y khoa
591	02005517	Hồ Minh Quân	03/01/2005	Dược học
592	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Y khoa
593	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Dược học
594	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
595	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Y học cổ truyền
596	02005540	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh	14/01/2005	Dược học
597	02005547	Bạch Hưng Thái Sơn	04/10/2005	Y khoa
598	02005547	Bạch Hưng Thái Sơn	04/10/2005	Dược học
599	02005550	Khổng Đức Tài	27/09/2005	Dược học
600	02005555	Nguyễn Minh Tâm	29/04/2005	Dược học
601	02005555	Nguyễn Minh Tâm	29/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
602	02005559	Hoàng Đình Tân	22/07/2005	Y khoa
603	02005559	Hoàng Đình Tân	22/07/2005	Dược học
604	02005559	Hoàng Đình Tân	22/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
605	02005566	Dương Ngọc Đan Thanh	19/02/2005	Y khoa
606	02005566	Dương Ngọc Đan Thanh	19/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
607	02005567	Huỳnh Nguyên Ngọc Thanh Thanh	14/09/2005	Y khoa
608	02005584	Nguyễn Thu Thảo	22/05/2005	Dược học
609	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y khoa
610	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Dược học
611	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y học cổ truyền
612	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y học dự phòng
613	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y tế công cộng
614	02005838	Phạm Thanh Nhân	05/04/2005	Dược học
615	02005929	Trương Ái Thuyền	26/04/2005	Dược học
616	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Y tế công cộng
617	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Dinh dưỡng
618	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Điều dưỡng
619	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
620	02006258	Đỗ Hoàng Hạnh	06/03/2005	Dược học
621	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
622	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Dược học
623	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
624	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
625	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
626	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
627	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
628	02007538	Bùi Lê Bảo Duy	15/10/2005	Dược học
629	02007987	Lư Quốc Tuấn	14/02/2005	Y khoa
630	02007987	Lư Quốc Tuấn	14/02/2005	Y học cổ truyền
631	02008611	Hồ Thanh Thảo	17/10/2005	Điều dưỡng
632	02008866	Đào Ngọc Minh Khôi	10/01/2005	Y khoa
633	02008866	Đào Ngọc Minh Khôi	10/01/2005	Dược học
634	02008866	Đào Ngọc Minh Khôi	10/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
635	02009837	Đầu Thị Kim Yên	30/08/2005	Dược học
636	02009938	Bùi Lan Chi	17/01/2005	Y khoa
637	02009938	Bùi Lan Chi	17/01/2005	Dược học
638	02010010	Nguyễn Vũ Thanh Hà	29/11/2005	Y khoa
639	02010084	Nguyễn Quỳnh Hương	02/04/2005	Y khoa
640	02010236	Nguyễn Hoàng Hòa Minh	20/08/2005	Y khoa
641	02010236	Nguyễn Hoàng Hòa Minh	20/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
642	02010326	Trần Quang Nhật	24/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
643	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Y khoa
644	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Dược học
645	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Y học cổ truyền
646	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Y học dự phòng
647	02010367	Phan Thanh Thiên Phúc	13/07/2005	Y khoa
648	02010367	Phan Thanh Thiên Phúc	13/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
649	02010484	Nguyễn Hà Anh Thơ	13/05/2005	Dược học
650	02010484	Nguyễn Hà Anh Thơ	13/05/2005	Dinh dưỡng
651	02010488	Nguyễn Thanh Thư	21/12/2005	Y khoa
652	02010488	Nguyễn Thanh Thư	21/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
653	02010488	Nguyễn Thanh Thư	21/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
654	02013368	Bùi Thanh Ngọc Mai	21/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
655	02013368	Bùi Thanh Ngọc Mai	21/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
656	02013456	Nguyễn Thanh Gia Ngọc	18/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
657	02013456	Nguyễn Thanh Gia Ngọc	18/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
658	02013456	Nguyễn Thanh Gia Ngọc	18/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
659	02014667	Nguyễn Quốc Bảo	13/02/2005	Y khoa
660	02014667	Nguyễn Quốc Bảo	13/02/2005	Dược học
661	02016176	Trần Nguyễn An Hưng	08/10/2005	Dược học
662	02016176	Trần Nguyễn An Hưng	08/10/2005	Y học cổ truyền
663	02016287	Hồ Quốc Thịnh	31/10/2005	Dược học
664	02016651	Đại Hoàng Phúc	01/05/2005	Y khoa
665	02017243	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	04/09/2005	Điều dưỡng
666	02017243	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	04/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
667	02017681	Hoàng Anh Quốc	29/11/2005	Y khoa
668	02017681	Hoàng Anh Quốc	29/11/2005	Dược học
669	02017681	Hoàng Anh Quốc	29/11/2005	Điều dưỡng
670	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Y tế công cộng
671	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Dinh dưỡng
672	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Điều dưỡng
673	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
674	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
675	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Hộ sinh
676	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
677	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
678	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
679	02019161	Giang Viễn Phương	06/11/2005	Y khoa
680	02019161	Giang Viễn Phương	06/11/2005	Dược học
681	02019354	Lê Phương Vy	14/06/2005	Y khoa
682	02019354	Lê Phương Vy	14/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
683	02019691	Nguyễn Phương Quân	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
684	02020848	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/2005	Dược học
685	02020856	Phạm Trần Minh Anh	08/11/2005	Y khoa
686	02020856	Phạm Trần Minh Anh	08/11/2005	Y học cổ truyền
687	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Y khoa
688	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Dược học
689	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
690	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Y học cổ truyền
691	02020925	Hàng Minh Cường	17/06/2005	Y khoa
692	02020925	Hàng Minh Cường	17/06/2005	Dược học
693	02020977	Đỗ Thanh Hà	30/12/2005	Y khoa
694	02020977	Đỗ Thanh Hà	30/12/2005	Dược học
695	02021040	Phạm Đăng Huy	04/09/2005	Y khoa
696	02021040	Phạm Đăng Huy	04/09/2005	Dược học
697	02021040	Phạm Đăng Huy	04/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
698	02021092	Nguyễn Đăng Quang	04/03/2005	Y khoa
699	02021092	Nguyễn Đăng Quang	04/03/2005	Dược học
700	02021092	Nguyễn Đăng Quang	04/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
701	02021101	Mã Hoàng Quân	14/02/2005	Y khoa
702	02021104	Trần Đức Anh Quân	19/10/2005	Y khoa
703	02021104	Trần Đức Anh Quân	19/10/2005	Dược học
704	02021110	Nguyễn Khắc Bảo Quỳnh	06/04/2005	Dược học
705	02021129	Lê Minh Tâm	13/05/2005	Dược học
706	02021166	Hà Tấn Thịnh	04/02/2005	Y khoa
707	02021166	Hà Tấn Thịnh	04/02/2005	Dược học
708	02021214	Hồ Đức Tuấn	31/08/2005	Dược học
709	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Y khoa
710	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Dược học
711	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
712	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Kỹ thuật phục hình răng
713	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
714	02021263	Huỳnh Tường Vy	14/10/2005	Dược học
715	02021265	Lê Phương Vy	29/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
716	02021321	Hồ Nguyễn Hoàng Kim	29/01/2005	Y khoa
717	02021321	Hồ Nguyễn Hoàng Kim	29/01/2005	Dược học
718	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Y khoa
719	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Dược học
720	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
721	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Y học cổ truyền
722	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Dinh dưỡng
723	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Điều dưỡng
724	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
725	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
726	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
727	02021391	Hoàng Quang Minh	11/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
728	02021432	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	11/11/2005	Y khoa
729	02021432	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	11/11/2005	Dược học
730	02021432	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	11/11/2005	Dinh dưỡng
731	02021434	Lê Thị Phương Nga	16/12/2005	Dược học
732	02021454	Đặng Lê Đông Nghi	02/11/2005	Y khoa
733	02021454	Đặng Lê Đông Nghi	02/11/2005	Dược học
734	02021454	Đặng Lê Đông Nghi	02/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
735	02021460	Nguyễn Lộc Đoan Nghi	07/03/2005	Dược học
736	02021491	Nguyễn Nguyên Nguyên	19/02/2005	Dược học
737	02021491	Nguyễn Nguyên Nguyên	19/02/2005	Y học cổ truyền
738	02021491	Nguyễn Nguyên Nguyên	19/02/2005	Y học dự phòng
739	02021507	Lý Gia Nhi	27/05/2005	Dược học
740	02021533	Nguyễn Huỳnh Thùy Như	22/07/2005	Y khoa
741	02021533	Nguyễn Huỳnh Thùy Như	22/07/2005	Dược học
742	02021533	Nguyễn Huỳnh Thùy Như	22/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
743	02021574	Trần Nguyễn Minh Thi	16/12/2005	Y khoa
744	02021574	Trần Nguyễn Minh Thi	16/12/2005	Dược học
745	02021574	Trần Nguyễn Minh Thi	16/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
746	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Y khoa
747	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Dược học
748	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
749	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Y học cổ truyền
750	02022015	Nguyễn Ngọc Trâm	21/12/2005	Y khoa
751	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Y khoa
752	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Dược học
753	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
754	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Y học cổ truyền
755	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Điều dưỡng
756	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
757	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
758	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
759	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
760	02022116	Phạm Mai Minh Châu	29/06/2005	Y khoa
761	02022116	Phạm Mai Minh Châu	29/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
762	02022116	Phạm Mai Minh Châu	29/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
763	02022217	Nguyễn Lê Gia Hân	14/04/2005	Y học cổ truyền
764	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Y khoa
765	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Dược học
766	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
767	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Y khoa
768	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Dược học
769	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
770	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
771	02022902	Trần Ngọc Thảo My	20/06/2005	Dinh dưỡng
772	02022902	Trần Ngọc Thảo My	20/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
773	02023063	Ksor Nguyễn Yên Nhi	15/05/2005	Y khoa
774	02023063	Ksor Nguyễn Yên Nhi	15/05/2005	Dược học
775	02023063	Ksor Nguyễn Yên Nhi	15/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
776	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thu	25/09/2005	Điều dưỡng
777	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thu	25/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
778	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thu	25/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
779	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thu	25/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
780	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Điều dưỡng
781	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
782	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
783	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
784	02024068	Ngô Thanh Hà	24/01/2005	Dược học
785	02024068	Ngô Thanh Hà	24/01/2005	Điều dưỡng
786	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Y khoa
787	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Dược học
788	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
789	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Y học cổ truyền
790	02024276	Phạm Quang Minh	06/01/2005	Dược học
791	02024402	Đặng Dương Nhật Phúc	28/12/2005	Dược học
792	02024448	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Dược học
793	02024448	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Dinh dưỡng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
794	02024448	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
795	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Y khoa
796	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Dược học
797	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
798	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Y học cổ truyền
799	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Điều dưỡng
800	02024533	Trần Ngọc Minh Thư	11/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
801	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Y khoa
802	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Dược học
803	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
804	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật phục hình răng
805	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
806	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
807	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
808	02024638	Lê Nguyễn Yến Vi	15/04/2005	Dược học
809	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Y khoa
810	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Dược học
811	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
812	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Điều dưỡng
813	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
814	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
815	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
816	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
817	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
818	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Dược học
819	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
820	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
821	02025883	Trần Lê Nhật Khôi	23/06/2005	Dược học
822	02025883	Trần Lê Nhật Khôi	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
823	02026346	Phạm Vũ Bảo	05/07/2005	Y khoa
824	02026346	Phạm Vũ Bảo	05/07/2005	Dược học
825	02026346	Phạm Vũ Bảo	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
826	02026359	Đào Hoàng Lan Châu	02/03/2005	Y khoa
827	02026359	Đào Hoàng Lan Châu	02/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
828	02026371	Trần Xuân Diệu	19/07/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
829	02026371	Trần Xuân Diệu	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
830	02026388	Mai Trần An Duyên	02/12/2005	Y khoa
831	02026392	Lê Trọng Đại	20/05/2005	Y khoa
832	02026396	Lê Tấn Đạt	07/10/2005	Y khoa
833	02026396	Lê Tấn Đạt	07/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
834	02026483	Nguyễn Vũ Khánh Huyền	16/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
835	02026487	Lại Tiến Hưng	02/01/2005	Y khoa
836	02026487	Lại Tiến Hưng	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
837	02026528	Huỳnh Mỹ Khánh Linh	09/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
838	02026528	Huỳnh Mỹ Khánh Linh	09/08/2005	Dinh dưỡng
839	02026528	Huỳnh Mỹ Khánh Linh	09/08/2005	Điều dưỡng
840	02026556	Đỗ Quang Minh	07/06/2005	Dược học
841	02026556	Đỗ Quang Minh	07/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
842	02026556	Đỗ Quang Minh	07/06/2005	Y khoa
843	02026619	Nguyễn Thành Nhân	24/08/2005	Y khoa
844	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Y khoa
845	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Dược học
846	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
847	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Điều dưỡng
848	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
849	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
850	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
851	02026636	Hoàng Thị Tuyết Nhung	05/10/2005	Y khoa
852	02026636	Hoàng Thị Tuyết Nhung	05/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
853	02026638	Huỳnh Như	01/07/2005	Y khoa
854	02026638	Huỳnh Như	01/07/2005	Dược học
855	02026638	Huỳnh Như	01/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
856	02026661	Lương Vũ hoàng Phúc	13/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
857	02026662	Nguyễn Hoàng Phúc	26/10/2005	Y khoa
858	02026662	Nguyễn Hoàng Phúc	26/10/2005	Dược học
859	02026662	Nguyễn Hoàng Phúc	26/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
860	02026672	Hà Ngọc Minh Phương	30/06/2005	Y khoa
861	02026672	Hà Ngọc Minh Phương	30/06/2005	Dược học
862	02026672	Hà Ngọc Minh Phương	30/06/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
863	02026680	Hồ Thị Diễm Phượng	23/10/2005	Y khoa
864	02026680	Hồ Thị Diễm Phượng	23/10/2005	Dược học
865	02026680	Hồ Thị Diễm Phượng	23/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
866	02026681	Đào Minh Quang	31/08/2005	Y khoa
867	02026681	Đào Minh Quang	31/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
868	02026696	Phan Nguyễn Phương Quỳnh	13/02/2005	Y khoa
869	02026712	Nguyễn Long Thành	20/11/2005	Y khoa
870	02026712	Nguyễn Long Thành	20/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
871	02026724	Nguyễn Lộc Vương Thiên	02/02/2005	Y khoa
872	02026724	Nguyễn Lộc Vương Thiên	02/02/2005	Dược học
873	02026724	Nguyễn Lộc Vương Thiên	02/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
874	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Y khoa
875	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Dược học
876	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
877	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Y học cổ truyền
878	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Dinh dưỡng
879	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Dinh dưỡng
880	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Điều dưỡng
881	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
882	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
883	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
884	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
885	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
886	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Y khoa
887	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
888	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y khoa
889	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Dược học
890	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
891	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y học cổ truyền
892	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y học dự phòng
893	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y tế công cộng
894	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Dinh dưỡng
895	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Điều dưỡng
896	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
897	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
898	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Hộ sinh
899	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
900	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
901	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
902	02026782	Quách Minh Trí	23/02/2005	Y khoa
903	02026782	Quách Minh Trí	23/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
904	02026782	Quách Minh Trí	23/02/2005	Y học cổ truyền
905	02026806	Nguyễn Thiên Tuấn	24/12/2005	Y khoa
906	02026806	Nguyễn Thiên Tuấn	24/12/2005	Dược học
907	02026806	Nguyễn Thiên Tuấn	24/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
908	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Y khoa
909	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
910	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
911	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
912	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
913	02026830	Triệu Quốc Việt	21/10/2005	Y khoa
914	02026830	Triệu Quốc Việt	21/10/2005	Dược học
915	02026909	Lâm Ngọc Nhật Ánh	16/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
916	02027003	Nguyễn Trường Giang	23/08/2005	Y khoa
917	02027138	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	04/10/2005	Dược học
918	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Y khoa
919	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Dược học
920	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
921	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Y học cổ truyền
922	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Dinh dưỡng
923	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
924	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
925	02029255	Bùi Huy Minh Đạt	02/06/2005	Y khoa
926	02029255	Bùi Huy Minh Đạt	02/06/2005	Y học cổ truyền
927	02029431	Phạm Đoàn Phương Trang	15/03/2005	Y khoa
928	02029431	Phạm Đoàn Phương Trang	15/03/2005	Dược học
929	02029456	Nguyễn Ngô Minh Trí	06/03/2005	Dinh dưỡng
930	02029472	Nguyễn Việt Tú	20/06/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
931	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Y khoa
932	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Dược học
933	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
934	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Y học cổ truyền
935	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Dinh dưỡng
936	02029659	Lê Ngọc Khanh	04/12/2005	Y khoa
937	02029659	Lê Ngọc Khanh	04/12/2005	Dược học
938	02029659	Lê Ngọc Khanh	04/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
939	02029709	Nguyễn Trục Kiên	19/09/2005	Y khoa
940	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Y khoa
941	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Dược học
942	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Y học cổ truyền
943	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
944	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
945	02036206	Nguyễn Thị Hiền Lương	18/01/2005	Y khoa
946	02036206	Nguyễn Thị Hiền Lương	18/01/2005	Dinh dưỡng
947	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Dược học
948	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
949	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Y học cổ truyền
950	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
951	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
952	02038327	Lê Vũ Minh Duy	08/09/2005	Y khoa
953	02038327	Lê Vũ Minh Duy	08/09/2005	Dược học
954	02038327	Lê Vũ Minh Duy	08/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
955	02038336	Phạm Viết Duy	21/09/2005	Y khoa
956	02038336	Phạm Viết Duy	21/09/2005	Dược học
957	02038337	Phan Công Duy	15/03/2005	Y khoa
958	02038337	Phan Công Duy	15/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
959	02038367	Thân Đức Hải Đăng	15/12/2005	Y khoa
960	02038367	Thân Đức Hải Đăng	15/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
961	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y khoa
962	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Dược học
963	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
964	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y học cổ truyền
965	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y học dự phòng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
966	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y tế công cộng
967	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Dinh dưỡng
968	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Điều dưỡng
969	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật phục hình răng
970	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
971	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Hộ sinh
972	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
973	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
974	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
975	02038459	Nguyễn Quý Huy	25/10/2005	Dược học
976	02038459	Nguyễn Quý Huy	25/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
977	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Y khoa
978	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Dược học
979	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
980	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Y học cổ truyền
981	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Y học dự phòng
982	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
983	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
984	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
985	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
986	02038556	Huỳnh Mai Anh Thi	03/01/2005	Y khoa
987	02038563	Kiều Tấn Thịnh	27/05/2005	Y khoa
988	02038563	Kiều Tấn Thịnh	27/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
989	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y khoa
990	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Dược học
991	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
992	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y học cổ truyền
993	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y học dự phòng
994	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y tế công cộng
995	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Điều dưỡng
996	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
997	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
998	02038643	Trần Thành Vinh	22/12/2005	Dược học
999	02038643	Trần Thành Vinh	22/12/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1000	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Dược học
1001	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1002	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Y học cổ truyền
1003	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Dinh dưỡng
1004	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Điều dưỡng
1005	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1006	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1007	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1008	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1009	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1010	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Y tế công cộng
1011	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Dinh dưỡng
1012	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Điều dưỡng
1013	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1014	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1015	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Hộ sinh
1016	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1017	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1018	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1019	02038836	Huỳnh Như Ngọc	01/09/2005	Y khoa
1020	02038836	Huỳnh Như Ngọc	01/09/2005	Dược học
1021	02038836	Huỳnh Như Ngọc	01/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1022	02038856	Đoàn Nhân	24/10/2005	Y khoa
1023	02038856	Đoàn Nhân	24/10/2005	Dược học
1024	02038856	Đoàn Nhân	24/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1025	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Dược học
1026	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1027	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1028	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1029	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1030	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1031	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Y khoa
1032	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Dược học
1033	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1034	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Điều dưỡng
1035	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Y khoa
1036	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Dược học
1037	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Điều dưỡng
1038	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1039	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1040	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1041	02038941	Hoàng Mai Phương	04/05/2005	Y học cổ truyền
1042	02038968	Đặng Thanh Thúy	09/11/2005	Dược học
1043	02038985	Trịnh Thị Minh Thư	01/04/2005	Y khoa
1044	02038985	Trịnh Thị Minh Thư	01/04/2005	Dược học
1045	02038985	Trịnh Thị Minh Thư	01/04/2005	Y học cổ truyền
1046	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Y khoa
1047	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Dược học
1048	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1049	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Y học cổ truyền
1050	02039745	Lê Nguyễn Thúy Vy	30/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1051	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y khoa
1052	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Dược học
1053	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1054	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y học cổ truyền
1055	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y học dự phòng
1056	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y tế công cộng
1057	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Dinh dưỡng
1058	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Điều dưỡng
1059	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1060	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1061	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Hộ sinh
1062	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1063	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1064	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1065	02040940	Trần Thái An	10/01/2005	Y khoa
1066	02040988	Trần Hồng Anh	28/11/2005	Y khoa
1067	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1068	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Dược học
1069	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1070	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Y học cổ truyền
1071	02041017	Phan Gia Bách	11/03/2005	Y khoa
1072	02041017	Phan Gia Bách	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1073	02041017	Phan Gia Bách	11/03/2005	Y học cổ truyền
1074	02041082	Từ Danh Danh	29/07/2005	Y khoa
1075	02041082	Từ Danh Danh	29/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1076	02041126	Trần Thị Thùy Dương	01/01/2005	Dược học
1077	02041134	Bùi Tiến Đạt	11/10/2005	Y khoa
1078	02041180	Đỗ Thanh Hải	14/01/2005	Y khoa
1079	02041180	Đỗ Thanh Hải	14/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1080	02041180	Đỗ Thanh Hải	14/01/2005	Y học cổ truyền
1081	02041186	Lê Phan Anh Hào	03/01/2005	Y khoa
1082	02041186	Lê Phan Anh Hào	03/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1083	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Y khoa
1084	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Dược học
1085	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1086	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Y học cổ truyền
1087	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Y học dự phòng
1088	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Y tế công cộng
1089	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Dinh dưỡng
1090	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Điều dưỡng
1091	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1092	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1093	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Hộ sinh
1094	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1095	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1096	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hảo	04/05/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1097	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Y khoa
1098	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Dược học
1099	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1100	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1101	02041225	Nguyễn Việt Hiếu	28/01/2005	Y khoa
1102	02041225	Nguyễn Việt Hiếu	28/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1103	02041240	Ngô Huy Hoàng	28/08/2005	Y khoa
1104	02041240	Ngô Huy Hoàng	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1105	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Y khoa
1106	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Dược học
1107	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1108	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Y học cổ truyền
1109	02041254	Nguyễn Kiên Hùng	15/06/2005	Y khoa
1110	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1111	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1112	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1113	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1114	02041379	Nguyễn Đỗ Nhật Quang	04/12/2005	Y khoa
1115	02041379	Nguyễn Đỗ Nhật Quang	04/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1116	02041400	Trịnh Lê Quốc Trung	27/02/2005	Y khoa
1117	02041400	Trịnh Lê Quốc Trung	27/02/2005	Dược học
1118	02041400	Trịnh Lê Quốc Trung	27/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1119	02041403	Tạ Quang Trường	18/10/2005	Y khoa
1120	02041403	Tạ Quang Trường	18/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1121	02041441	Bùi Mỹ Uyên	06/10/2005	Y khoa
1122	02041441	Bùi Mỹ Uyên	06/10/2005	Dược học
1123	02041441	Bùi Mỹ Uyên	06/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1124	02041498	Phạm Thụy Thúy Vy	12/08/2005	Y khoa
1125	02041498	Phạm Thụy Thúy Vy	12/08/2005	Dược học
1126	02041518	Lê Minh Huyền	27/01/2005	Y khoa
1127	02041518	Lê Minh Huyền	27/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1128	02041520	Nguyễn Phương Huỳnh	10/09/2005	Y khoa
1129	02041526	Ngô Đình Gia Hưng	04/07/2005	Y khoa
1130	02041570	Phan Thanh Khang	23/05/2005	Dược học
1131	02041570	Phan Thanh Khang	23/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1132	02041572	Nguyễn Phương Khanh	05/04/2005	Y khoa
1133	02041572	Nguyễn Phương Khanh	05/04/2005	Dược học
1134	02041584	Bùi Nguyễn Đăng Khoa	10/07/2005	Y khoa
1135	02041587	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Y khoa
1136	02041587	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Dược học
1137	02041587	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1138	02041606	Trần Ngọc Khuê	15/02/2005	Y khoa
1139	02041606	Trần Ngọc Khuê	15/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1140	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Y khoa
1141	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Dược học
1142	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1143	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1144	02041666	Võ Khánh Linh	17/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1145	02041666	Võ Khánh Linh	17/04/2005	Dược học
1146	02041710	Nguyễn Thị Xuân Mai	13/06/2005	Dược học
1147	02041710	Nguyễn Thị Xuân Mai	13/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1148	02041710	Nguyễn Thị Xuân Mai	13/06/2005	Y học cổ truyền
1149	02041720	Hoàng Hồng Minh	02/09/2005	Dược học
1150	02041733	Trần Đại Minh	29/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1151	02041759	Lê Hà Thiên Ngân	12/10/2005	Y khoa
1152	02041759	Lê Hà Thiên Ngân	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1153	02041892	Lê Mỹ Quyên	11/10/2005	Y khoa
1154	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Y khoa
1155	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Dược học
1156	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1157	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1158	02041916	Đỗ Ngọc Sơn	26/08/2005	Y khoa
1159	02041927	Nguyễn Lê Minh Tâm	03/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1160	02041955	Lê Thanh Thảo	11/11/2005	Y khoa
1161	02041955	Lê Thanh Thảo	11/11/2005	Dinh dưỡng
1162	02041981	Nguyễn Đức Thịnh	31/03/2005	Y khoa
1163	02041981	Nguyễn Đức Thịnh	31/03/2005	Dược học
1164	02042069	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	15/02/2005	Dược học
1165	02042072	Bùi Khánh Trân	28/09/2005	Y khoa
1166	02042072	Bùi Khánh Trân	28/09/2005	Dược học
1167	02042091	Phạm Minh Triết	22/04/2005	Dược học
1168	02042096	Châu Minh Trọng	08/07/2005	Y khoa
1169	02044339	Lê Trần Ngọc Ánh	31/10/2005	Điều dưỡng
1170	02044339	Lê Trần Ngọc Ánh	31/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1171	02045201	Nguyễn Thạch Vỹ	12/04/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1172	02045201	Nguyễn Thạch Vỹ	12/04/2005	Dược học
1173	02045201	Nguyễn Thạch Vỹ	12/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1174	02046337	Songsiri Hoàng Anh	15/09/2005	Dược học
1175	02046833	Nguyễn Hoàng Kim	10/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1176	02046833	Nguyễn Hoàng Kim	10/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1177	02046833	Nguyễn Hoàng Kim	10/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1178	02046895	Trương Gia Lợi	01/11/2005	Y khoa
1179	02046895	Trương Gia Lợi	01/11/2005	Dược học
1180	02046895	Trương Gia Lợi	01/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1181	02046927	Nguyễn Tường Minh	18/07/2005	Dược học
1182	02046948	Nguyễn Hoàng Nam	31/01/2005	Y khoa
1183	02046948	Nguyễn Hoàng Nam	31/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1184	02047047	Đỗ Hoàng Phúc	11/07/2002	Dược học
1185	02047047	Đỗ Hoàng Phúc	11/07/2002	Y học cổ truyền
1186	02047051	Phan Hoàng Trường Thọ	29/12/2003	Y khoa
1187	02047051	Phan Hoàng Trường Thọ	29/12/2003	Răng-Hàm-Mặt
1188	02047163	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	04/08/2005	Y khoa
1189	02047163	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	04/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1190	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Y khoa
1191	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Dược học
1192	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1193	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Y học cổ truyền
1194	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1195	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1196	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Dược học
1197	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1198	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Dinh dưỡng
1199	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1200	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1201	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y khoa
1202	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Dược học
1203	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1204	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y học cổ truyền
1205	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y học dự phòng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1206	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y tế công cộng
1207	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Dinh dưỡng
1208	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1209	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1210	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y khoa
1211	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Dược học
1212	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1213	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y học cổ truyền
1214	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y học dự phòng
1215	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y tế công cộng
1216	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Dinh dưỡng
1217	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1218	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1219	02047808	Nguyễn Mai Hân	30/05/2005	Y khoa
1220	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Y khoa
1221	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Dược học
1222	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1223	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Y học cổ truyền
1224	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1225	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1226	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1227	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y khoa
1228	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Dược học
1229	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1230	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y học cổ truyền
1231	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y học dự phòng
1232	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y tế công cộng
1233	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1234	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y khoa
1235	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Dược học
1236	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1237	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y học cổ truyền
1238	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y học dự phòng
1239	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y tế công cộng
1240	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Dinh dưỡng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1241	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Điều dưỡng
1242	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1243	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1244	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Hộ sinh
1245	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1246	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1247	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1248	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Điều dưỡng
1249	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1250	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1251	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1252	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1253	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Y khoa
1254	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Dược học
1255	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1256	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Dinh dưỡng
1257	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Điều dưỡng
1258	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1259	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1260	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Hộ sinh
1261	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1262	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1263	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1264	02048363	Đinh Hồng Nhung	22/05/2005	Y khoa
1265	02048363	Đinh Hồng Nhung	22/05/2005	Dược học
1266	02048363	Đinh Hồng Nhung	22/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1267	02048496	Nguyễn Anh Quân	13/10/2005	Y khoa
1268	02048579	Nguyễn Hoàng Phúc	20/07/2004	Y khoa
1269	02048613	Võ Ngọc Phương Quỳnh	09/08/2005	Y khoa
1270	02048613	Võ Ngọc Phương Quỳnh	09/08/2005	Dược học
1271	02048625	Mai Huỳnh Thanh Tâm	26/06/2005	Y khoa
1272	02048625	Mai Huỳnh Thanh Tâm	26/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1273	02048646	Dương Uy Thành	02/02/2005	Dược học
1274	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1275	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Dược học
1276	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1277	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Y học dự phòng
1278	02048825	Nguyễn Bảo Trân	23/01/2005	Dược học
1279	02048825	Nguyễn Bảo Trân	23/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1280	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y khoa
1281	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Dược học
1282	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1283	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y học cổ truyền
1284	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y học dự phòng
1285	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y tế công cộng
1286	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Dinh dưỡng
1287	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Điều dưỡng
1288	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1289	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1290	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1291	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1292	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1293	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Y khoa
1294	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Dược học
1295	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1296	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Dinh dưỡng
1297	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1298	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1299	02049012	Bùi Ngọc Như Ý	21/09/2005	Y học cổ truyền
1300	02049012	Bùi Ngọc Như Ý	21/09/2005	Dinh dưỡng
1301	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Y khoa
1302	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Dược học
1303	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1304	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1305	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1306	02049375	Nguyễn Duy Khoa	23/11/2005	Y khoa
1307	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Y khoa
1308	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1309	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Y học cổ truyền
1310	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Y tế công cộng
1311	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Dinh dưỡng
1312	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1313	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1314	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1315	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1316	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Y khoa
1317	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Dược học
1318	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Y học cổ truyền
1319	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Y học dự phòng
1320	02049533	Trần Minh Long	28/08/2005	Y khoa
1321	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Y khoa
1322	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Dược học
1323	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1324	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Y học cổ truyền
1325	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Y khoa
1326	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1327	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Y học cổ truyền
1328	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Dinh dưỡng
1329	02050176	Văn Trần Ngọc Ánh	05/05/2001	Y khoa
1330	02050176	Văn Trần Ngọc Ánh	05/05/2001	Dược học
1331	02050176	Văn Trần Ngọc Ánh	05/05/2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1332	02050477	Nguyễn Trần Tiến Huy	21/02/2004	Y khoa
1333	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Y khoa
1334	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Dược học
1335	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
1336	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Y học cổ truyền
1337	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1338	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1339	02050552	Diệp Trạch Quang	26/11/2004	Y khoa
1340	02050552	Diệp Trạch Quang	26/11/2004	Dược học
1341	02050782	Hoàng Hải My	13/05/2004	Y khoa
1342	02050782	Hoàng Hải My	13/05/2004	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1343	02050782	Hoàng Hải My	13/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1344	02050822	Phạm Thị Thanh Ngân	29/06/2005	Y khoa
1345	02050822	Phạm Thị Thanh Ngân	29/06/2005	Dược học
1346	02050979	Nguyễn Phạm Quang Trí	24/03/2004	Y khoa
1347	02050979	Nguyễn Phạm Quang Trí	24/03/2004	Dược học
1348	02050979	Nguyễn Phạm Quang Trí	24/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
1349	02051563	Lâm Nguyễn Ngọc Anh	27/10/2004	Dược học
1350	02051574	Ngô Quế Anh	10/02/2005	Y khoa
1351	02051574	Ngô Quế Anh	10/02/2005	Dược học
1352	02051811	Trịnh Hoàng Dung	07/09/2005	Dược học
1353	02051811	Trịnh Hoàng Dung	07/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1354	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y khoa
1355	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Dược học
1356	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
1357	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y học cổ truyền
1358	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y học dự phòng
1359	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y tế công cộng
1360	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Dinh dưỡng
1361	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Điều dưỡng
1362	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1363	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1364	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1365	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1366	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1367	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Y khoa
1368	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Dược học
1369	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
1370	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Y học cổ truyền
1371	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1372	02052063	Hồ Nguyễn Đức Huy	22/09/2003	Y khoa
1373	02052063	Hồ Nguyễn Đức Huy	22/09/2003	Răng-Hàm-Mặt
1374	02052063	Hồ Nguyễn Đức Huy	22/09/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1375	02052115	Nguyễn Đông Khoa	20/07/2004	Y khoa
1376	02052115	Nguyễn Đông Khoa	20/07/2004	Dược học
1377	02052115	Nguyễn Đông Khoa	20/07/2004	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1378	02052267	Phùng Khánh Huy	11/01/2005	Dược học
1379	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Y khoa
1380	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1381	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Y học cổ truyền
1382	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1383	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Y khoa
1384	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Dược học
1385	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Răng-Hàm-Mặt
1386	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1387	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Kỹ thuật hình ảnh y học
1388	02052468	Huỳnh Gia Lộc	15/11/2002	Dược học
1389	02052468	Huỳnh Gia Lộc	15/11/2002	Răng-Hàm-Mặt
1390	02052524	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	23/12/2003	Y khoa
1391	02052524	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	23/12/2003	Dược học
1392	02052524	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	23/12/2003	Răng-Hàm-Mặt
1393	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Y khoa
1394	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Dược học
1395	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Răng-Hàm-Mặt
1396	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Y học dự phòng
1397	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1398	02052731	Trần Khánh Linh	01/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
1399	02052731	Trần Khánh Linh	01/03/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1400	02052951	Dương Đoàn Lan Nhi	25/08/2004	Y khoa
1401	02052951	Dương Đoàn Lan Nhi	25/08/2004	Dược học
1402	02052951	Dương Đoàn Lan Nhi	25/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1403	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Y khoa
1404	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Dược học
1405	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1406	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Y học cổ truyền
1407	02053034	Nguyễn Phương Thảo	16/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
1408	02053295	Phạm Nguyễn Yến Như	07/10/2005	Dược học
1409	02053295	Phạm Nguyễn Yến Như	07/10/2005	Điều dưỡng
1410	02053295	Phạm Nguyễn Yến Như	07/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1411	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Y khoa
1412	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1413	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1414	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1415	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1416	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Y khoa
1417	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Dược học
1418	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1419	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Điều dưỡng
1420	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1421	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1422	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Hộ sinh
1423	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1424	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1425	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y khoa
1426	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Dược học
1427	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1428	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y học cổ truyền
1429	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y học dự phòng
1430	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y tế công cộng
1431	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Dinh dưỡng
1432	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Điều dưỡng
1433	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1434	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1435	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Hộ sinh
1436	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1437	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1438	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1439	02053567	Trần Ngọc Ánh Vân	28/06/2004	Dược học
1440	02053567	Trần Ngọc Ánh Vân	28/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1441	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Dinh dưỡng
1442	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1443	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Hộ sinh
1444	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1445	02054024	Đào Thụy Thúy An	17/12/2004	Y khoa
1446	02054024	Đào Thụy Thúy An	17/12/2004	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1447	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Y khoa
1448	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Dược học
1449	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Dinh dưỡng
1450	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1451	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1452	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1453	02054182	Nguyễn Minh Đạt	21/04/2005	Dược học
1454	02054185	Nguyễn Tấn Đạt	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1455	02054262	Nguyễn Ngọc Thuận Hiếu	17/10/2005	Dược học
1456	02054347	Trần Mai Khanh	21/11/2005	Dược học
1457	02054491	Nguyễn Lâm Xuân Minh	04/02/2005	Dược học
1458	02054611	Vũ Ngọc Thanh Trúc	28/12/2005	Y khoa
1459	02054611	Vũ Ngọc Thanh Trúc	28/12/2005	Dược học
1460	02054611	Vũ Ngọc Thanh Trúc	28/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1461	02054617	Nguyễn Lê Văn	05/10/2004	Y khoa
1462	02054617	Nguyễn Lê Văn	05/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
1463	02054668	Trần Ngô Minh Nhật	16/01/2005	Y khoa
1464	02054668	Trần Ngô Minh Nhật	16/01/2005	Dược học
1465	02054668	Trần Ngô Minh Nhật	16/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1466	02054669	Trần Nguyễn Minh Nhật	26/10/2005	Y khoa
1467	02054669	Trần Nguyễn Minh Nhật	26/10/2005	Dược học
1468	02054669	Trần Nguyễn Minh Nhật	26/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1469	02054674	Huỳnh Bạch Đan Nhi	24/06/2005	Dược học
1470	02054746	Nguyễn Duy Uyên Phương	23/11/2005	Dược học
1471	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Dược học
1472	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1473	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Y học cổ truyền
1474	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1475	02054910	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	25/11/2005	Y khoa
1476	02054910	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	25/11/2005	Dược học
1477	02054910	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	25/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1478	02054938	Ngô Nghi Trân	02/06/2004	Y khoa
1479	02054938	Ngô Nghi Trân	02/06/2004	Dược học
1480	02054938	Ngô Nghi Trân	02/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1481	02055021	Lê Ngọc Uyên Vi	30/04/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1482	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Y khoa
1483	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Y học cổ truyền
1484	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Điều dưỡng
1485	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1486	02055228	Cao Kim Châu	19/09/2004	Dược học
1487	02055228	Cao Kim Châu	19/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
1488	02055228	Cao Kim Châu	19/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1489	02055301	Nguyễn Thanh Duy	30/11/2005	Dược học
1490	02055456	Nguyễn Thanh Hiền	21/05/2004	Y khoa
1491	02055456	Nguyễn Thanh Hiền	21/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1492	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y khoa
1493	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Dược học
1494	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y học cổ truyền
1495	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y học dự phòng
1496	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y tế công cộng
1497	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Dược học
1498	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Y khoa
1499	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1500	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Y học cổ truyền
1501	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1502	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1503	02055615	Mã Võ Tuyết Khanh	06/07/2005	Dược học
1504	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Y học cổ truyền
1505	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1506	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1507	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1508	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1509	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1510	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Y khoa
1511	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Dược học
1512	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1513	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1514	02055679	Đinh Ngọc Minh	12/04/2003	Dược học
1515	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1516	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1517	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Dược học
1518	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1519	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Y khoa
1520	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Dược học
1521	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Răng-Hàm-Mặt
1522	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1523	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Kỹ thuật hình ảnh y học
1524	02055935	Trần Đình Nam	05/05/2005	Y khoa
1525	02055935	Trần Đình Nam	05/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1526	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Y khoa
1527	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Dược học
1528	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1529	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1530	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1531	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Dược học
1532	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Y học cổ truyền
1533	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1534	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1535	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1536	02056390	Phan Bảo Quyên	02/09/2005	Dược học
1537	02056390	Phan Bảo Quyên	02/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1538	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Y khoa
1539	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1540	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Y học cổ truyền
1541	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Y khoa
1542	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Dược học
1543	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1544	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Y học cổ truyền
1545	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1546	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1547	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1548	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Y khoa
1549	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Dược học
1550	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1551	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Y học cổ truyền
1552	02056630	Phạm Cao Hữu Trác	20/03/2005	Y khoa
1553	02056630	Phạm Cao Hữu Trác	20/03/2005	Dược học
1554	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Y khoa
1555	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Dược học
1556	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
1557	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Y khoa
1558	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Dược học
1559	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1560	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1561	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y khoa
1562	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Dược học
1563	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1564	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y học cổ truyền
1565	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y học dự phòng
1566	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y tế công cộng
1567	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Dinh dưỡng
1568	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Điều dưỡng
1569	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1570	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1571	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1572	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1573	02058216	Nguyễn Gia Bảo	03/06/2005	Y khoa
1574	02058216	Nguyễn Gia Bảo	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1575	02058388	Nguyễn Bích Hà	07/01/2004	Y khoa
1576	02058469	Vũ Thùy Linh	29/07/2004	Y khoa
1577	02058521	Phạm Đức Phúc	18/07/2004	Y khoa
1578	02058521	Phạm Đức Phúc	18/07/2004	Dược học
1579	02058521	Phạm Đức Phúc	18/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
1580	02058999	Nguyễn Huỳnh Nhã Trang	30/01/2004	Y khoa
1581	02058999	Nguyễn Huỳnh Nhã Trang	30/01/2004	Dược học
1582	02059615	Lê Võ Thùy An	20/05/2005	Y khoa
1583	02059615	Lê Võ Thùy An	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1584	02059660	Nguyễn Hồng Loan Anh	14/07/2005	Dược học
1585	02059660	Nguyễn Hồng Loan Anh	14/07/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1586	02059786	Phạm Hồng Ngọc Hân	23/11/2005	Dược học
1587	02060070	Trần Võ Thanh Tâm	09/11/2002	Y khoa
1588	02060070	Trần Võ Thanh Tâm	09/11/2002	Răng-Hàm-Mặt
1589	02060126	Trần Khánh My	13/09/2005	Điều dưỡng
1590	02060126	Trần Khánh My	13/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1591	02060126	Trần Khánh My	13/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1592	02060138	Lê Khánh Ngân	07/11/2005	Dược học
1593	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Y học dự phòng
1594	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Y tế công cộng
1595	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Dinh dưỡng
1596	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1597	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1598	02061493	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
1599	02061521	Dương Thị Thanh Như	29/04/2004	Y khoa
1600	02061521	Dương Thị Thanh Như	29/04/2004	Răng-Hàm-Mặt
1601	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y khoa
1602	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Dược học
1603	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
1604	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y học cổ truyền
1605	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y học dự phòng
1606	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y tế công cộng
1607	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Dinh dưỡng
1608	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Điều dưỡng
1609	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1610	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1611	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Hộ sinh
1612	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1613	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1614	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1615	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Y khoa
1616	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Dược học
1617	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
1618	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Y học dự phòng
1619	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Điều dưỡng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1620	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1621	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1622	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1623	02062031	Trần Thủy Tiên	17/06/2004	Y khoa
1624	02062031	Trần Thủy Tiên	17/06/2004	Dược học
1625	02062031	Trần Thủy Tiên	17/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1626	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Y khoa
1627	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Dược học
1628	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1629	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1630	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Y khoa
1631	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Dược học
1632	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1633	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Y học cổ truyền
1634	02064530	Nguyễn Lê Hiền Phụng	18/12/2005	Dược học
1635	02064530	Nguyễn Lê Hiền Phụng	18/12/2005	Dinh dưỡng
1636	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Y khoa
1637	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Dược học
1638	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1639	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1640	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Y khoa
1641	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Dược học
1642	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1643	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Y học cổ truyền
1644	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1645	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1646	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1647	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Dinh dưỡng
1648	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Điều dưỡng
1649	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1650	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1651	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Hộ sinh
1652	02066271	Quách Khánh Linh	25/01/1997	Y khoa
1653	02066823	Trần Minh Trân	24/08/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1654	02066823	Trần Minh Trân	24/08/2005	Dược học
1655	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Y khoa
1656	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Dược học
1657	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
1658	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Y học cổ truyền
1659	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1660	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1661	02067119	Vũ Nguyễn Cẩm Quyên	07/02/2005	Dinh dưỡng
1662	02067119	Vũ Nguyễn Cẩm Quyên	07/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1663	02067119	Vũ Nguyễn Cẩm Quyên	07/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1664	02067149	Phạm Phương Phương	07/03/2005	Dược học
1665	02067149	Phạm Phương Phương	07/03/2005	Điều dưỡng
1666	02067149	Phạm Phương Phương	07/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1667	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Y khoa
1668	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Dược học
1669	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1670	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1671	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1672	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1673	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1674	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1675	02068375	Nguyễn Hoàng Anh Minh	01/11/2004	Y khoa
1676	02069734	Lý Nguyệt An	07/05/2005	Y khoa
1677	02069734	Lý Nguyệt An	07/05/2005	Dược học
1678	02069742	Phùng Thiên An	03/02/2005	Y học cổ truyền
1679	02069752	Kiều Ngọc Phương Anh	26/07/2005	Y khoa
1680	02069752	Kiều Ngọc Phương Anh	26/07/2005	Dược học
1681	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Y khoa
1682	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Dược học
1683	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1684	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Y khoa
1685	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Dược học
1686	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1687	02069785	Lê Xuân Bách	22/06/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1688	02069785	Lê Xuân Bách	22/06/2005	Dược học
1689	02069785	Lê Xuân Bách	22/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1690	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Y khoa
1691	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Dược học
1692	02069945	Nguyễn Hoàng Khang	15/09/2004	Y khoa
1693	02069947	Nguyễn Mạnh Khang	20/12/2005	Y khoa
1694	02069947	Nguyễn Mạnh Khang	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1695	02069972	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	06/04/2005	Dược học
1696	02069979	Dương Vũ Anh Khôi	16/02/2005	Y khoa
1697	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y khoa
1698	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Dược học
1699	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1700	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y học cổ truyền
1701	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y học dự phòng
1702	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y tế công cộng
1703	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Dinh dưỡng
1704	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1705	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1706	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1707	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1708	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1709	02070005	Lê Trần Khánh Linh	02/07/2005	Dược học
1710	02070007	Nguyễn Bùi Thảo Linh	27/05/2005	Y khoa
1711	02070007	Nguyễn Bùi Thảo Linh	27/05/2005	Dược học
1712	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Y khoa
1713	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Dược học
1714	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1715	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1716	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Dược học
1717	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1718	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Y học cổ truyền
1719	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1720	02070040	Nguyễn Lê Yến Mai	19/01/2005	Y khoa
1721	02070040	Nguyễn Lê Yến Mai	19/01/2005	Dược học
1722	02070040	Nguyễn Lê Yến Mai	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1723	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y khoa
1724	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Dược học
1725	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1726	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y học cổ truyền
1727	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y học dự phòng
1728	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y tế công cộng
1729	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Dinh dưỡng
1730	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Điều dưỡng
1731	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1732	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1733	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1734	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1735	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1736	02070076	Đàm Khiết Nghi	25/05/2005	Y khoa
1737	02070076	Đàm Khiết Nghi	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1738	02070099	Nguyễn Chu Giáng Ngọc	24/06/2005	Dược học
1739	02070099	Nguyễn Chu Giáng Ngọc	24/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1740	02070100	Phạm Bích Ngọc	25/05/2005	Dược học
1741	02070148	Nguyễn Trọng Bảo Nhi	11/10/2005	Dược học
1742	02070153	Nguyễn Hồng Nhung	04/06/2005	Y khoa
1743	02070153	Nguyễn Hồng Nhung	04/06/2005	Dược học
1744	02070153	Nguyễn Hồng Nhung	04/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1745	02070178	Nguyễn Tấn Phước	12/10/2005	Y khoa
1746	02070178	Nguyễn Tấn Phước	12/10/2005	Dược học
1747	02070178	Nguyễn Tấn Phước	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1748	02070182	Hồ Đỗ Minh Phương	15/06/2005	Y khoa
1749	02070182	Hồ Đỗ Minh Phương	15/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1750	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Y khoa
1751	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Dược học
1752	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1753	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1754	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Dược học
1755	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1756	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1757	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1758	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Dược học
1759	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Dinh dưỡng
1760	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1761	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1762	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1763	02070242	Bùi Huỳnh Mai Thảo	01/03/2005	Điều dưỡng
1764	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Dược học
1765	02070287	Châu Dược Thương	28/03/2005	Y khoa
1766	02070295	Bùi Thị Hà Tiên	17/05/2005	Y khoa
1767	02070306	Nguyễn Đức Tính	27/11/2005	Y khoa
1768	02070306	Nguyễn Đức Tính	27/11/2005	Dược học
1769	02070315	Nguyễn Hồng Quỳnh Trâm	05/12/2005	Dược học
1770	02070328	Trần Minh Trí	14/09/2005	Dược học
1771	02070330	Dương Hoàng Trinh	11/11/2005	Y khoa
1772	02070330	Dương Hoàng Trinh	11/11/2005	Dược học
1773	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Y khoa
1774	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Dược học
1775	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Dinh dưỡng
1776	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1777	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y khoa
1778	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Dược học
1779	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1780	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y học cổ truyền
1781	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y học dự phòng
1782	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y tế công cộng
1783	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Dinh dưỡng
1784	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Điều dưỡng
1785	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1786	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1787	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Hộ sinh
1788	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1789	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1790	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1791	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Y khoa
1792	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Dược học
1793	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1794	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1795	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1796	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1797	02070360	Hoàng Trình Tâm Uyên	02/06/2005	Y khoa
1798	02070360	Hoàng Trình Tâm Uyên	02/06/2005	Dược học
1799	02070360	Hoàng Trình Tâm Uyên	02/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1800	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Y khoa
1801	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Dược học
1802	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1803	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Dinh dưỡng
1804	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1805	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Y khoa
1806	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Dược học
1807	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1808	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Y khoa
1809	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Dược học
1810	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1811	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Y học dự phòng
1812	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1813	02070398	Võ Huỳnh Tố Vy	04/09/2004	Y khoa
1814	02070398	Võ Huỳnh Tố Vy	04/09/2004	Dược học
1815	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Điều dưỡng
1816	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật phục hình răng
1817	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1818	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1819	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật hình ảnh y học
1820	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1821	02079409	Võ Phạm Hoàng Thơ	26/04/2005	Y khoa
1822	02079409	Võ Phạm Hoàng Thơ	26/04/2005	Dược học
1823	02079409	Võ Phạm Hoàng Thơ	26/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1824	02080672	Đinh Nguyễn Phương Anh	14/01/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1825	02080672	Đinh Nguyễn Phương Anh	14/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1826	02080759	Trần Đức Dũng	27/09/2005	Y khoa
1827	02080759	Trần Đức Dũng	27/09/2005	Dược học
1828	02080759	Trần Đức Dũng	27/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1829	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Y khoa
1830	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Dược học
1831	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
1832	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Điều dưỡng
1833	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1834	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1835	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Dinh dưỡng
1836	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1837	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Hộ sinh
1838	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1839	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1840	02081065	Trần Thiện Nhân	21/10/2005	Y khoa
1841	02081065	Trần Thiện Nhân	21/10/2005	Dược học
1842	02081065	Trần Thiện Nhân	21/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1843	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1844	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1845	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1846	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1847	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1848	02081340	Đinh Trần Phương Uyên	15/02/2005	Y khoa
1849	02081340	Đinh Trần Phương Uyên	15/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1850	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Dược học
1851	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Y học cổ truyền
1852	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Y học dự phòng
1853	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Y tế công cộng
1854	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Dinh dưỡng
1855	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Điều dưỡng
1856	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1857	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1858	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1859	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1860	02081347	Trần Võ Hi Vân	20/10/2005	Y khoa
1861	02081347	Trần Võ Hi Vân	20/10/2005	Điều dưỡng
1862	02081348	Trương Khánh Vân	22/01/2004	Dược học
1863	02081348	Trương Khánh Vân	22/01/2004	Điều dưỡng
1864	02081348	Trương Khánh Vân	22/01/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1865	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Y khoa
1866	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Dược học
1867	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1868	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Y học cổ truyền
1869	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Dinh dưỡng
1870	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1871	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1872	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1873	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1874	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1875	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Y tế công cộng
1876	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Dinh dưỡng
1877	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1878	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1879	02082030	Trần Nguyễn Thảo My	01/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1880	02082030	Trần Nguyễn Thảo My	01/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1881	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Y học cổ truyền
1882	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Y học dự phòng
1883	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1884	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1885	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1886	02082726	Nguyễn Gia Hân	17/02/2004	Y khoa
1887	02082747	Cung Phan Huy	12/07/2004	Y khoa
1888	02082747	Cung Phan Huy	12/07/2004	Dược học
1889	02082747	Cung Phan Huy	12/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
1890	02082775	Đặng Lê Bảo Khanh	13/12/2005	Dược học
1891	02082775	Đặng Lê Bảo Khanh	13/12/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1892	02082778	Trần Hoàng Uyển Khanh	05/09/2004	Y khoa
1893	02082778	Trần Hoàng Uyển Khanh	05/09/2004	Dược học
1894	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Dược học
1895	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1896	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1897	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1898	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1899	02083012	Phạm Minh Thu	18/10/2004	Y khoa
1900	02083012	Phạm Minh Thu	18/10/2004	Dược học
1901	02083012	Phạm Minh Thu	18/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
1902	02083020	Trần Nhật Thảo Tiên	25/10/2005	Dinh dưỡng
1903	02083020	Trần Nhật Thảo Tiên	25/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1904	02083061	Hồ Lê Anh Tuấn	19/05/2004	Y khoa
1905	02083061	Hồ Lê Anh Tuấn	19/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1906	02083076	Phó Nhượng Văn	24/05/2002	Y khoa
1907	02083076	Phó Nhượng Văn	24/05/2002	Dược học
1908	02083432	Trịnh Hương Giang	06/12/2005	Dược học
1909	02083491	Nguyễn Ngọc Hân	08/03/2005	Y tế công cộng
1910	02083491	Nguyễn Ngọc Hân	08/03/2005	Dinh dưỡng
1911	02083491	Nguyễn Ngọc Hân	08/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1912	02084371	Phạm Ngọc Thiên Quý	05/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1913	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Y khoa
1914	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Dược học
1915	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1916	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Y học cổ truyền
1917	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Dinh dưỡng
1918	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1919	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1920	03005911	Lê Vũ Nguyên Hưng	09/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1921	03014164	Đoàn Mạnh Hà	14/07/2005	Y khoa
1922	03014164	Đoàn Mạnh Hà	14/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1923	03014347	Nguyễn Hữu Hoàng	25/09/2005	Y khoa
1924	03014347	Nguyễn Hữu Hoàng	25/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1925	03014461	Lưu Thanh Hương	26/04/2005	Y khoa
1926	03014461	Lưu Thanh Hương	26/04/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1927	03014461	Lưu Thanh Hương	26/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1928	03014980	Trần Gia Linh	21/01/2005	Y khoa
1929	03014980	Trần Gia Linh	21/01/2005	Dược học
1930	03014980	Trần Gia Linh	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1931	03015152	Trương Tuấn Minh	07/01/2005	Y khoa
1932	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y khoa
1933	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Dược học
1934	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
1935	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y học cổ truyền
1936	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y học dự phòng
1937	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y tế công cộng
1938	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Dinh dưỡng
1939	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Điều dưỡng
1940	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1941	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1942	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Hộ sinh
1943	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1944	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1945	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1946	03018540	Nguyễn Phương Linh	04/01/2005	Y khoa
1947	03018540	Nguyễn Phương Linh	04/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1948	03018702	Vũ Nhật Nam	16/10/2005	Y khoa
1949	04004832	Nguyễn Thùy Linh	26/03/2005	Y khoa
1950	04006419	Cao Nguyễn Vân Anh	22/04/2005	Y khoa
1951	04006419	Cao Nguyễn Vân Anh	22/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1952	04006748	Lê Công Minh Dũng	25/02/2005	Y khoa
1953	04006748	Lê Công Minh Dũng	25/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1954	04006967	Đỗ Hoàng Bảo Trân	03/11/2005	Y khoa
1955	04006967	Đỗ Hoàng Bảo Trân	03/11/2005	Dược học
1956	04006967	Đỗ Hoàng Bảo Trân	03/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1957	04007002	Nguyễn Nhật Bảo Trúc	09/11/2004	Y khoa
1958	04007002	Nguyễn Nhật Bảo Trúc	09/11/2004	Dược học
1959	04007002	Nguyễn Nhật Bảo Trúc	09/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
1960	04007226	Nguyễn Thị Mai Hải	12/11/2005	Y khoa
1961	04007265	Cao Nguyệt Hân	23/06/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1962	04007265	Cao Nguyệt Hân	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1963	04007340	Hồ Lai Hiếu	16/01/2005	Y khoa
1964	04007349	Nguyễn Bá Trung Hiếu	22/07/2005	Y khoa
1965	04007349	Nguyễn Bá Trung Hiếu	22/07/2005	Dược học
1966	04007445	Lê Hà Bảo Trân	19/02/2005	Dược học
1967	04007445	Lê Hà Bảo Trân	19/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1968	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Y khoa
1969	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1970	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Dược học
1971	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1972	04007682	Trần Nguyễn Thảo Uyên	28/03/2005	Y khoa
1973	04007682	Trần Nguyễn Thảo Uyên	28/03/2005	Dược học
1974	04007682	Trần Nguyễn Thảo Uyên	28/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1975	04007767	Trần Mạnh Hùng	07/12/2005	Y khoa
1976	04007767	Trần Mạnh Hùng	07/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1977	04008387	Trần Lê Gia Khanh	24/06/2005	Dược học
1978	04008882	Nguyễn Phan Ngọc Minh	15/01/2005	Y khoa
1979	04008882	Nguyễn Phan Ngọc Minh	15/01/2005	Dược học
1980	04008882	Nguyễn Phan Ngọc Minh	15/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1981	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Y khoa
1982	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Dược học
1983	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1984	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Y học cổ truyền
1985	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y khoa
1986	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Dược học
1987	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1988	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y học cổ truyền
1989	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y học dự phòng
1990	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y tế công cộng
1991	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Dinh dưỡng
1992	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Điều dưỡng
1993	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1994	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1995	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1996	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1997	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1998	04009525	Trương Thị Hoàng Nhi	06/12/2005	Dược học
1999	04009525	Trương Thị Hoàng Nhi	06/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2000	04009525	Trương Thị Hoàng Nhi	06/12/2005	Y học cổ truyền
2001	04009634	Nguyễn Trần Bảo Phúc	07/11/2005	Y khoa
2002	04009634	Nguyễn Trần Bảo Phúc	07/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2003	04009634	Nguyễn Trần Bảo Phúc	07/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2004	04010815	Lê Nhật Anh	10/01/2004	Y khoa
2005	04010815	Lê Nhật Anh	10/01/2004	Dược học
2006	04010815	Lê Nhật Anh	10/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2007	04010818	Lê Vũ Hà Anh	14/01/2004	Dược học
2008	04010868	Võ Thị Vân Anh	29/07/2005	Y khoa
2009	04011079	Phạm Thế Minh Đạt	29/06/2005	Y khoa
2010	04011079	Phạm Thế Minh Đạt	29/06/2005	Dược học
2011	04011079	Phạm Thế Minh Đạt	29/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2012	04011272	Bùi Trường Giang	18/11/2005	Y khoa
2013	04011272	Bùi Trường Giang	18/11/2005	Dược học
2014	04011272	Bùi Trường Giang	18/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2015	04011663	Đặng Phúc Hưng	13/10/2005	Y khoa
2016	04011663	Đặng Phúc Hưng	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2017	04011739	Nguyễn Trần Nam Khánh	12/01/2005	Y khoa
2018	04011739	Nguyễn Trần Nam Khánh	12/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2019	04011834	Lê Thị Thùy Linh	05/03/2005	Y khoa
2020	04011834	Lê Thị Thùy Linh	05/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2021	04011834	Lê Thị Thùy Linh	05/03/2005	Y học cổ truyền
2022	04012462	Nguyễn Phương Nguyên	22/09/2005	Dược học
2023	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Y khoa
2024	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Dược học
2025	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2026	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Dinh dưỡng
2027	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2028	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2029	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2030	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2031	04012591	Nguyễn Hoàng Phúc	05/11/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2032	04012729	Lương Trác Nhĩ	03/12/2005	Y khoa
2033	04012729	Lương Trác Nhĩ	03/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2034	04012775	Lê Đức Quang	06/10/2005	Y khoa
2035	04012775	Lê Đức Quang	06/10/2005	Dược học
2036	04012965	Đỗ Hoàng Dạ Thảo	17/02/2005	Dược học
2037	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Y khoa
2038	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Dược học
2039	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2040	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Điều dưỡng
2041	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2042	04012989	Cao Hoàng Thủy Tiên	14/10/2005	Y khoa
2043	04012989	Cao Hoàng Thủy Tiên	14/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2044	04012989	Cao Hoàng Thủy Tiên	14/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2045	04013016	Phan Nguyễn Nam Trân	20/08/2005	Y khoa
2046	04013016	Phan Nguyễn Nam Trân	20/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2047	04013042	Nguyễn Văn Trung	30/09/2005	Y khoa
2048	04013059	Trần Anh Tuấn	13/01/2005	Y khoa
2049	04013073	Nguyễn Mai Uyên	25/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2050	04013097	Trần Quang Vinh	04/08/2005	Y khoa
2051	04013097	Trần Quang Vinh	04/08/2005	Dược học
2052	04013097	Trần Quang Vinh	04/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2053	04013133	Phan Thị Ngọc Vy	02/01/2005	Y khoa
2054	04013133	Phan Thị Ngọc Vy	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2055	04021962	Nguyễn Bá Đại Thắng	14/02/2005	Y khoa
2056	04021962	Nguyễn Bá Đại Thắng	14/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2057	15000075	Hoàng Anh Dũng	07/12/2005	Y khoa
2058	15000075	Hoàng Anh Dũng	07/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2059	23000028	Nguyễn Hải Anh	24/09/2005	Y khoa
2060	24000553	Dương Kim Hoàng	28/09/2005	Y khoa
2061	25000343	Mai Thành Nam	16/02/2005	Y khoa
2062	25000343	Mai Thành Nam	16/02/2005	Dược học
2063	25000343	Mai Thành Nam	16/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2064	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2065	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2066	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2067	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2068	28012658	Hà Minh Nguyệt	18/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2069	29000368	Phan Tiến Hưng	18/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2070	29000701	Nguyễn Lương Nhật Quang	22/12/2005	Y khoa
2071	29000701	Nguyễn Lương Nhật Quang	22/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2072	29000925	Nguyễn Bùi Đức Trí	25/10/2005	Y khoa
2073	29003504	Nguyễn Thị Minh Phương	30/01/2005	Dược học
2074	31007269	Trịnh Nguyên Trang	08/01/2005	Y khoa
2075	31007269	Trịnh Nguyên Trang	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2076	31007269	Trịnh Nguyên Trang	08/01/2005	Y học cổ truyền
2077	31007363	Phạm Minh Châu	17/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2078	31009765	Lê Đỗ Thanh Quỳnh	10/02/2005	Dược học
2079	33003221	Phan Thị Minh Châu	11/04/2005	Dược học
2080	33003482	Nguyễn Thái Trúc Ly	16/02/2005	Y khoa
2081	34003534	Nguyễn Trần Phước Thành	06/06/2004	Y khoa
2082	34003534	Nguyễn Trần Phước Thành	06/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
2083	34009409	Huỳnh Tấn Hưng	25/09/2005	Y khoa
2084	34009462	Phan Thị My My	19/01/2005	Y khoa
2085	34010513	Nguyễn Thị Bích Hiền	23/06/2004	Y khoa
2086	34010513	Nguyễn Thị Bích Hiền	23/06/2004	Dược học
2087	34010513	Nguyễn Thị Bích Hiền	23/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
2088	35001186	Nguyễn Ngọc Hân	21/09/2005	Y học cổ truyền
2089	35004156	Tổng Gia Bảo	20/02/2005	Y khoa
2090	35004156	Tổng Gia Bảo	20/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2091	35005071	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/09/2005	Y khoa
2092	35005071	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/09/2005	Dược học
2093	35005071	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2094	35005709	Đỗ Dương Bảo	23/05/2005	Y khoa
2095	35005709	Đỗ Dương Bảo	23/05/2005	Dược học
2096	35005709	Đỗ Dương Bảo	23/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2097	35005742	Võ Lê Chuyên	03/07/2005	Y khoa
2098	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Dược học
2099	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Y học cổ truyền
2100	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2101	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2102	35005907	Huỳnh Quốc Bá hưng	11/08/2005	Y khoa
2103	35005907	Huỳnh Quốc Bá hưng	11/08/2005	Dược học
2104	35005907	Huỳnh Quốc Bá hưng	11/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2105	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Y khoa
2106	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2107	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Y học dự phòng
2108	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2109	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2110	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2111	35005928	Phạm Bảo Kha	22/03/2005	Y khoa
2112	35005928	Phạm Bảo Kha	22/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2113	35005956	Đỗ Đình Đăng Khôi	10/11/2005	Y khoa
2114	35005956	Đỗ Đình Đăng Khôi	10/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2115	35006090	Ngô Dương Minh Nhật	12/09/2005	Y khoa
2116	35006090	Ngô Dương Minh Nhật	12/09/2005	Dược học
2117	35006090	Ngô Dương Minh Nhật	12/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2118	35006108	Lê An Nhiên	03/06/2005	Y khoa
2119	35006108	Lê An Nhiên	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2120	35006108	Lê An Nhiên	03/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2121	35006156	Tổng Diệp Phương	24/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2122	35006391	Đoàn Tú Uyên	10/05/2005	Y khoa
2123	35006391	Đoàn Tú Uyên	10/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2124	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Y khoa
2125	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Dược học
2126	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2127	36000111	Huỳnh Vũ Gia Hân	05/07/2005	Y khoa
2128	36000364	Nguyễn Mai Phương	12/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2129	36000364	Nguyễn Mai Phương	12/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2130	36000364	Nguyễn Mai Phương	12/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2131	36000410	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	04/02/2005	Dược học
2132	36000410	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	04/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2133	36000584	Bùi Quỳnh Chi	03/03/2004	Dược học
2134	36000845	Nguyễn Lê Hoài Nhi	02/05/2005	Y khoa
2135	37000072	Đinh Lưu Đôn	13/07/2005	Y khoa
2136	37000129	Phạm Thế Hùng	26/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2137	37000129	Phạm Thế Hùng	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2138	37000164	Nguyễn Nam Khang	24/08/2005	Y khoa
2139	37000164	Nguyễn Nam Khang	24/08/2005	Dược học
2140	37000168	Tô Lê Ngọc Khánh	21/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2141	37000169	Trần Lê Nguyên Khánh	22/08/2005	Y khoa
2142	37000169	Trần Lê Nguyên Khánh	22/08/2005	Dược học
2143	37000169	Trần Lê Nguyên Khánh	22/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2144	37000174	Đỗ Gia Khuê	19/01/2005	Dược học
2145	37000174	Đỗ Gia Khuê	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2146	37000188	Phan Nguyễn Anh Lê	05/11/2005	Y khoa
2147	37000188	Phan Nguyễn Anh Lê	05/11/2005	Dược học
2148	37000192	Lê Ngọc Phương Linh	01/11/2005	Y khoa
2149	37000192	Lê Ngọc Phương Linh	01/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2150	37000193	Lê Thị Khánh Linh	13/09/2005	Y khoa
2151	37000193	Lê Thị Khánh Linh	13/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2152	37000193	Lê Thị Khánh Linh	13/09/2005	Y học cổ truyền
2153	37000215	Lương Xuân Mai	02/01/2005	Y khoa
2154	37000215	Lương Xuân Mai	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2155	37000237	Phan Thị Thanh Ngân	05/08/2005	Dược học
2156	37000248	Đặng Phan Phương Nguyên	16/03/2005	Y khoa
2157	37000248	Đặng Phan Phương Nguyên	16/03/2005	Dược học
2158	37000248	Đặng Phan Phương Nguyên	16/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2159	37000261	Nguyễn Đăng Nhân	06/02/2004	Y khoa
2160	37000261	Nguyễn Đăng Nhân	06/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
2161	37000265	Đặng Lê Minh Nhật	18/01/2005	Y khoa
2162	37000265	Đặng Lê Minh Nhật	18/01/2005	Dược học
2163	37000265	Đặng Lê Minh Nhật	18/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2164	37000301	Hồ Bình Phương	22/03/2005	Y khoa
2165	37000301	Hồ Bình Phương	22/03/2005	Dược học
2166	37000335	Đỗ Tăng Bút Sơn	05/05/2005	Y khoa
2167	37000382	Huỳnh Anh Thư	23/05/2005	Y khoa
2168	37000387	Ngô Thủy Tiên	12/09/2005	Dược học
2169	37000408	Trần Huệ Bảo Trân	31/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2170	37000428	Huỳnh Anh Tuấn	28/08/2005	Dược học
2171	37000461	Trần Hoàng Chí Vỹ	14/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2172	37000461	Trần Hoàng Chí Vỹ	14/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2173	37001318	Nguyễn Gia Hân	11/08/2005	Y khoa
2174	37001318	Nguyễn Gia Hân	11/08/2005	Dược học
2175	37001318	Nguyễn Gia Hân	11/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2176	37001323	Trần Lê Ngọc Hân	07/01/2005	Dược học
2177	37001323	Trần Lê Ngọc Hân	07/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2178	37001417	Lê Phùng Nguyên Khang	23/04/2005	Y khoa
2179	37001840	Phạm Lê Quỳnh Trâm	27/12/2005	Y khoa
2180	37001840	Phạm Lê Quỳnh Trâm	27/12/2005	Dược học
2181	37001840	Phạm Lê Quỳnh Trâm	27/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2182	37001903	Nguyễn Võ Minh Tùng	22/09/2005	Dược học
2183	37001903	Nguyễn Võ Minh Tùng	22/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2184	37006235	Nguyễn Hoàng Kỳ	20/08/2005	Y khoa
2185	37006235	Nguyễn Hoàng Kỳ	20/08/2005	Dược học
2186	37008809	Võ Huy Chu	03/10/2005	Y khoa
2187	37008809	Võ Huy Chu	03/10/2005	Dược học
2188	37015271	Đặng Thị Xuân Hằng	20/11/2005	Y khoa
2189	37015271	Đặng Thị Xuân Hằng	20/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2190	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Y khoa
2191	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2192	37015460	Nguyễn Hồng Hiếu Ngân	02/02/2005	Y khoa
2193	37015460	Nguyễn Hồng Hiếu Ngân	02/02/2005	Dược học
2194	37015460	Nguyễn Hồng Hiếu Ngân	02/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2195	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Y khoa
2196	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Dược học
2197	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2198	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2199	37018829	Nguyễn Minh Thụy	03/03/2005	Điều dưỡng
2200	38001381	Trần Gia Bảo	13/05/2005	Y khoa
2201	38001381	Trần Gia Bảo	13/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2202	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Y khoa
2203	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2204	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Dược học
2205	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Y học dự phòng
2206	38001453	Nguyễn Trần Nhật Hạ	29/10/2004	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2207	38001453	Nguyễn Trần Nhật Hạ	29/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
2208	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Y khoa
2209	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Dược học
2210	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2211	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Y học cổ truyền
2212	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Dinh dưỡng
2213	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2214	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2215	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2216	39008341	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	05/04/2005	Y khoa
2217	39008341	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	05/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2218	39008377	Lâm Gia Bảo	23/06/2005	Y khoa
2219	39008901	Nguyễn Linh Đan	08/12/2005	Y khoa
2220	39009041	Nguyễn Lương Hùng	01/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2221	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Y khoa
2222	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Dược học
2223	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2224	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2225	39009194	Trần Gia Khánh	01/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2226	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Y khoa
2227	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2228	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Y học cổ truyền
2229	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Y học dự phòng
2230	39009472	Huỳnh Hoàng Hưng	17/12/2005	Dược học
2231	39009473	Lê Bá Khánh Hưng	14/09/2005	Y khoa
2232	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Y khoa
2233	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Dược học
2234	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2235	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Y học cổ truyền
2236	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Y học dự phòng
2237	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2238	39009611	Hồ Thị Xuân Mai	28/04/2005	Y khoa
2239	39009611	Hồ Thị Xuân Mai	28/04/2005	Dược học
2240	39009611	Hồ Thị Xuân Mai	28/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2241	39009833	Phạm Vân Ly	18/11/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2242	39009934	Đặng Phương Nhã	09/01/2005	Dược học
2243	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Y khoa
2244	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Dược học
2245	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2246	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Y học dự phòng
2247	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Dinh dưỡng
2248	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2249	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2250	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2251	39010294	Lê Thị Minh Ngọc	03/11/2005	Y khoa
2252	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Y tế công cộng
2253	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2254	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2255	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2256	40016530	Trương Chí Kiên	05/06/2005	Dược học
2257	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2258	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Dược học
2259	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Dinh dưỡng
2260	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2261	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2262	40019330	Lê Nguyễn Quỳnh Giao	23/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2263	40019330	Lê Nguyễn Quỳnh Giao	23/03/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2264	40019417	Tưởng Nguyên Đăng Hoàng	21/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2265	40019555	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	26/04/2005	Y khoa
2266	40019555	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	26/04/2005	Dược học
2267	40019555	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	26/04/2005	Y học dự phòng
2268	40019556	Phạm Lê Bách Minh	08/10/2005	Y khoa
2269	40019556	Phạm Lê Bách Minh	08/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2270	40019557	Phương Nhật Hoàng Minh	21/01/2005	Y khoa
2271	40019726	Lê Đông Phương	16/03/2005	Y khoa
2272	40019726	Lê Đông Phương	16/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2273	40020333	Trần Đại Phát	01/05/2005	Y khoa
2274	40020333	Trần Đại Phát	01/05/2005	Dược học
2275	40020333	Trần Đại Phát	01/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2276	41002042	Đỗ Lê Quốc Trung	07/10/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2277	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Y khoa
2278	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Dược học
2279	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Y học dự phòng
2280	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2281	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2282	41008094	Nguyễn Bảo Ngân	17/02/2005	Y khoa
2283	41008094	Nguyễn Bảo Ngân	17/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2284	41008607	Nguyễn Tuấn Bảo	26/01/2005	Y khoa
2285	41008607	Nguyễn Tuấn Bảo	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2286	41008634	Trần Hồ Linh Châu	23/03/2005	Dược học
2287	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Dược học
2288	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Y học dự phòng
2289	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Dinh dưỡng
2290	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2291	41008833	Lê Thanh Hải	31/01/2005	Y khoa
2292	41008833	Lê Thanh Hải	31/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2293	41009653	Nguyễn Xuân Nam	01/11/2005	Y khoa
2294	41009653	Nguyễn Xuân Nam	01/11/2005	Dược học
2295	41009653	Nguyễn Xuân Nam	01/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2296	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2297	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Y khoa
2298	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Dược học
2299	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2300	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Dinh dưỡng
2301	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Điều dưỡng
2302	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2303	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2304	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Hộ sinh
2305	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2306	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2307	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2308	42000790	Nguyễn Xuân Bình An	29/04/2005	Dược học
2309	42000950	Đặng Hữu Anh Hào	16/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2310	42000950	Đặng Hữu Anh Hào	16/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2311	42001683	Nguyễn Quang Anh	08/09/2005	Y khoa
2312	42001723	Dương Hà Quỳnh Nhi	09/09/2005	Y khoa
2313	42001800	Chung Phước Hào	18/05/2005	Y khoa
2314	42001805	Phạm Thị Minh Hằng	01/01/2005	Y khoa
2315	42001805	Phạm Thị Minh Hằng	01/01/2005	Dược học
2316	42001805	Phạm Thị Minh Hằng	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2317	42001852	Nguyễn Bảo Huy	06/06/2005	Dược học
2318	42001852	Nguyễn Bảo Huy	06/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2319	42001869	Bùi Thị Quỳnh Hương	14/03/2005	Y khoa
2320	42001869	Bùi Thị Quỳnh Hương	14/03/2005	Dược học
2321	42001869	Bùi Thị Quỳnh Hương	14/03/2005	Y học cổ truyền
2322	42001979	Lê Đăng Minh	24/04/2005	Y khoa
2323	42001979	Lê Đăng Minh	24/04/2005	Dược học
2324	42001979	Lê Đăng Minh	24/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2325	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y khoa
2326	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Dược học
2327	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2328	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y học cổ truyền
2329	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y học dự phòng
2330	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y tế công cộng
2331	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Dinh dưỡng
2332	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Điều dưỡng
2333	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2334	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2335	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2336	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2337	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2338	42002034	Võ Thùy Minh Ngọc	23/10/2005	Y khoa
2339	42002034	Võ Thùy Minh Ngọc	23/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2340	42002119	Trần Anh Quân	18/03/2005	Y khoa
2341	42002157	Hà Trần Nhật Tân	29/10/2005	Y khoa
2342	42002157	Hà Trần Nhật Tân	29/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2343	42002179	Lê Nguyễn Nhã Thi	13/05/2005	Y khoa
2344	42002179	Lê Nguyễn Nhã Thi	13/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2345	42002234	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/10/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2346	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Y khoa
2347	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Dược học
2348	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2349	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Dinh dưỡng
2350	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Điều dưỡng
2351	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2352	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2353	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2354	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2355	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2356	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Dược học
2357	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Y tế công cộng
2358	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Dinh dưỡng
2359	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2360	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2361	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2362	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2363	42011296	Phạm Nhật Quỳnh Hương	16/04/2005	Dược học
2364	42011296	Phạm Nhật Quỳnh Hương	16/04/2005	Y học cổ truyền
2365	42011296	Phạm Nhật Quỳnh Hương	16/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2366	42011381	Nguyễn Trần Ánh Nguyệt	28/09/2005	Y khoa
2367	42011381	Nguyễn Trần Ánh Nguyệt	28/09/2005	Dược học
2368	42011381	Nguyễn Trần Ánh Nguyệt	28/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2369	42011565	Thái Tường Vi	14/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2370	42013065	Dương Hữu Anh	14/11/2005	Y khoa
2371	42013065	Dương Hữu Anh	14/11/2005	Dược học
2372	42013071	Lê Nguyễn Minh Anh	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2373	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Y khoa
2374	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Dược học
2375	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
2376	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Y học cổ truyền
2377	42013153	Đào Khắc Bảo Huy	25/11/2005	Y khoa
2378	42013153	Đào Khắc Bảo Huy	25/11/2005	Dược học
2379	42013153	Đào Khắc Bảo Huy	25/11/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2380	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Dược học
2381	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2382	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2383	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2384	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2385	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2386	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Y khoa
2387	42013216	Huỳnh Quang Minh	05/12/2005	Y khoa
2388	42013216	Huỳnh Quang Minh	05/12/2005	Dược học
2389	42013216	Huỳnh Quang Minh	05/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2390	42013278	Hoàng Quân	01/04/2005	Y khoa
2391	42013278	Hoàng Quân	01/04/2005	Dược học
2392	42013278	Hoàng Quân	01/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2393	42013281	Vũ Bảo Quân	26/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2394	44000306	Huỳnh Quốc Duy	09/11/2005	Y khoa
2395	44000340	Lê Châu Duyên	11/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2396	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Y khoa
2397	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Dược học
2398	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Răng-Hàm-Mặt
2399	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Y học cổ truyền
2400	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Y học dự phòng
2401	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Kỹ thuật Phục hình răng
2402	44000415	Lý Kiến Đức	22/07/2005	Y khoa
2403	44000415	Lý Kiến Đức	22/07/2005	Dược học
2404	44000415	Lý Kiến Đức	22/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2405	44000818	Đỗ Đăng Khoa	08/05/2005	Y khoa
2406	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Y khoa
2407	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
2408	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Dược học
2409	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Y học cổ truyền
2410	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Y học dự phòng
2411	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Y khoa
2412	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Dược học
2413	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2414	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2415	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Dinh dưỡng
2416	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2417	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2418	44001706	Nguyễn Hoàng Nhật Thông	02/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2419	44001706	Nguyễn Hoàng Nhật Thông	02/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2420	44002405	Từ Minh Anh	20/06/2005	Y khoa
2421	44002405	Từ Minh Anh	20/06/2005	Dược học
2422	44002496	Đỗ Thị Ngọc Châu	15/08/2005	Y khoa
2423	44002496	Đỗ Thị Ngọc Châu	15/08/2005	Dược học
2424	44002496	Đỗ Thị Ngọc Châu	15/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2425	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Y khoa
2426	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Dược học
2427	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2428	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Y học dự phòng
2429	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2430	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2431	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2432	44002563	Huỳnh Quốc Duy	05/10/2005	Y khoa
2433	44002576	Nguyễn Thị Thúy Duy	14/07/2005	Y khoa
2434	44002576	Nguyễn Thị Thúy Duy	14/07/2005	Dược học
2435	44002581	Phan Lê Khánh Duy	18/03/2005	Y khoa
2436	44002581	Phan Lê Khánh Duy	18/03/2005	Dược học
2437	44002581	Phan Lê Khánh Duy	18/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2438	44002784	Hồ Nguyễn Ngọc Trâm	30/04/2005	Y khoa
2439	44002784	Hồ Nguyễn Ngọc Trâm	30/04/2005	Dược học
2440	44002784	Hồ Nguyễn Ngọc Trâm	30/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2441	44002789	Nguyễn Đặng Thùy Trâm	08/12/2005	Y khoa
2442	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Y khoa
2443	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Dược học
2444	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2445	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2446	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2447	44002957	Trần Huỳnh Thảo Giang	17/06/2005	Y khoa
2448	44002957	Trần Huỳnh Thảo Giang	17/06/2005	Dược học
2449	44002957	Trần Huỳnh Thảo Giang	17/06/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2450	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Y khoa
2451	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Dược học
2452	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2453	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2454	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2455	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2456	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2457	44002973	Nguyễn Nhật Việt Hà	18/08/2005	Y khoa
2458	44002973	Nguyễn Nhật Việt Hà	18/08/2005	Dược học
2459	44003046	Trương Ngọc Hân	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2460	44003088	Mai Trần Minh Hiếu	08/08/2005	Y khoa
2461	44003088	Mai Trần Minh Hiếu	08/08/2005	Dược học
2462	44003088	Mai Trần Minh Hiếu	08/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2463	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Y khoa
2464	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Dược học
2465	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
2466	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Y học cổ truyền
2467	44003106	Ngô Bửu Hòa	21/07/2005	Y khoa
2468	44003153	Kim Jun Hun	13/01/2005	Y khoa
2469	44003153	Kim Jun Hun	13/01/2005	Dược học
2470	44003153	Kim Jun Hun	13/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2471	44003187	Nguyễn Gia Huy	01/07/2005	Y khoa
2472	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Y khoa
2473	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Dược học
2474	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2475	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Y học dự phòng
2476	44003249	Nguyễn Thiên Phúc	25/04/2005	Dược học
2477	44003249	Nguyễn Thiên Phúc	25/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2478	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Y khoa
2479	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Dược học
2480	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2481	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Dinh dưỡng
2482	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2483	44003392	Nguyễn Tấn Vinh	16/08/2005	Y khoa
2484	44003392	Nguyễn Tấn Vinh	16/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2485	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Y khoa
2486	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Dược học
2487	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2488	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Y học cổ truyền
2489	44003540	Võ Minh Khang	17/06/2005	Y khoa
2490	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Y khoa
2491	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Dược học
2492	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2493	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Y học cổ truyền
2494	44003655	Huỳnh Nhã Lạc	30/07/2005	Y khoa
2495	44003655	Huỳnh Nhã Lạc	30/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2496	44003718	Phan Đăng Quỳnh Linh	21/07/2005	Y khoa
2497	44003718	Phan Đăng Quỳnh Linh	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2498	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Y khoa
2499	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Dược học
2500	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2501	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Y khoa
2502	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Dược học
2503	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2504	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Y học cổ truyền
2505	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Dinh dưỡng
2506	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Điều dưỡng
2507	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Hộ sinh
2508	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2509	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Y khoa
2510	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Dược học
2511	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Y học cổ truyền
2512	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Dinh dưỡng
2513	44003996	Thái Thanh	20/05/2005	Y khoa
2514	44003996	Thái Thanh	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2515	44004036	Lê Ngọc Uyên Thi	15/01/2005	Y khoa
2516	44004036	Lê Ngọc Uyên Thi	15/01/2005	Dược học
2517	44004036	Lê Ngọc Uyên Thi	15/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2518	44004125	Hoàng Kim Ngân	21/05/2005	Y khoa
2519	44004125	Hoàng Kim Ngân	21/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2520	44004166	Đỗ Gia Nghi	31/07/2005	Y khoa
2521	44004166	Đỗ Gia Nghi	31/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2522	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2523	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2524	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2525	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2526	44004212	Nguyễn Bảo Ngọc	20/12/2005	Y khoa
2527	44004212	Nguyễn Bảo Ngọc	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2528	44004229	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16/09/2005	Y khoa
2529	44004229	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16/09/2005	Dược học
2530	44004504	Nguyễn Thị Minh Thi	30/10/2005	Y khoa
2531	44004504	Nguyễn Thị Minh Thi	30/10/2005	Dược học
2532	44004504	Nguyễn Thị Minh Thi	30/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2533	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Y khoa
2534	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Dược học
2535	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2536	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Y học cổ truyền
2537	44004594	Nguyễn Lê Anh Thư	14/06/2005	Y khoa
2538	44004594	Nguyễn Lê Anh Thư	14/06/2005	Dược học
2539	44004594	Nguyễn Lê Anh Thư	14/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2540	44004628	Bùi Anh Thy	31/03/2005	Dược học
2541	44004628	Bùi Anh Thy	31/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2542	44007460	Phạm Huy Hoàng	28/02/2005	Y khoa
2543	45000298	Quảng Võ Nguyên Khang	06/05/2005	Y khoa
2544	45002906	Mai Việt Quang Hưởng	05/01/2005	Dược học
2545	45002906	Mai Việt Quang Hưởng	05/01/2005	Y khoa
2546	45003313	Lưu Chí Nguyên	01/06/2005	Y khoa
2547	46000868	Trần Văn Khánh	27/08/2005	Y khoa
2548	46000868	Trần Văn Khánh	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2549	46001137	Lữ Điền Thanh	11/01/2004	Y khoa
2550	46001137	Lữ Điền Thanh	11/01/2004	Dược học
2551	46001137	Lữ Điền Thanh	11/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2552	46002071	Lữ Điền Sơn	16/08/2005	Y khoa
2553	46002071	Lữ Điền Sơn	16/08/2005	Dược học
2554	46002071	Lữ Điền Sơn	16/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2555	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Dinh dưỡng
2556	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2557	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2558	46002220	Võ Lý Anh Thư	17/06/2005	Y khoa
2559	46002220	Võ Lý Anh Thư	17/06/2005	Dược học
2560	46002220	Võ Lý Anh Thư	17/06/2005	Y học cổ truyền
2561	47004865	Trần Khắc Đăng Khoa	04/06/2005	Y khoa
2562	47004865	Trần Khắc Đăng Khoa	04/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2563	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Y khoa
2564	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2565	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Y học cổ truyền
2566	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2567	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Y khoa
2568	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Dược học
2569	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2570	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2571	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2572	47007757	Nguyễn Phạm Phú Khải	03/02/2005	Y khoa
2573	48003359	Lee Chang Cường	28/10/2005	Y khoa
2574	48003359	Lee Chang Cường	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2575	48003985	Nguyễn Hồ Trí Dũng	14/12/2005	Y khoa
2576	48003985	Nguyễn Hồ Trí Dũng	14/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2577	48003985	Nguyễn Hồ Trí Dũng	14/12/2005	Dược học
2578	48005046	Hoàng Tiến Đạt	10/04/2005	Y khoa
2579	48005815	Nguyễn Anh Đức	28/01/2005	Y khoa
2580	48005815	Nguyễn Anh Đức	28/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2581	48005815	Nguyễn Anh Đức	28/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2582	48006333	Đoàn Thị Ngân Hà	12/05/2005	Y khoa
2583	48007398	Phạm Nguyễn Gia Hân	12/02/2005	Dược học
2584	48007398	Phạm Nguyễn Gia Hân	12/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2585	48008781	Nguyễn Huy Hoàng	25/06/2005	Y khoa
2586	48008781	Nguyễn Huy Hoàng	25/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2587	48009116	Nguyễn Khải Huân	04/11/2005	Dược học
2588	48011854	Nguyễn Minh Khôi	19/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
2589	48014830	Nguyễn Trương Nha Mân	09/11/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2590	48014830	Nguyễn Trương Nha Mân	09/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2591	48014830	Nguyễn Trương Nha Mân	09/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2592	48016373	Trần Kim Ngân	16/10/2005	Y khoa
2593	48016373	Trần Kim Ngân	16/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2594	48016479	Nguyễn Dương Châu Nghi	04/07/2005	Dược học
2595	48016543	Đặng Hoàng Nghĩa	10/01/2005	Y khoa
2596	48017729	Nguyễn Trọng Nhân	16/10/2005	Y khoa
2597	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Dược học
2598	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2599	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2600	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2601	48019338	Lương Ánh Như	01/04/2005	Y khoa
2602	48021812	Đoàn Chính Quốc	19/03/2005	Y khoa
2603	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Y khoa
2604	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Dược học
2605	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2606	48024176	Hoàng Ngọc Vy Thảo	19/04/2005	Y khoa
2607	48024176	Hoàng Ngọc Vy Thảo	19/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2608	48024499	Phan Dương Phương Thảo	23/06/2005	Y khoa
2609	48024499	Phan Dương Phương Thảo	23/06/2005	Dược học
2610	48024499	Phan Dương Phương Thảo	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2611	48029003	Phạm Trương Phương Trinh	22/07/2005	Dược học
2612	48029560	Lê Nguyễn Đăng Trường	16/07/2005	Y khoa
2613	48029560	Lê Nguyễn Đăng Trường	16/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2614	48029824	Nguyễn Thanh Tú	13/01/2004	Y khoa
2615	48030242	Tào Minh Tuấn	14/04/2005	Y khoa
2616	48030242	Tào Minh Tuấn	14/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2617	48032401	Phạm Hoàng Vy	18/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2618	48032501	Trần Nguyễn Đan Vy	21/01/2005	Y khoa
2619	48032647	Phạm Triều Vỹ	24/12/2005	Y khoa
2620	48032647	Phạm Triều Vỹ	24/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2621	49002602	Châu Thị Phương Hằng	10/12/2005	Dược học
2622	49002602	Châu Thị Phương Hằng	10/12/2005	Y khoa
2623	49002602	Châu Thị Phương Hằng	10/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2624	49003695	Nguyễn Khánh Vân	21/03/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2625	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y khoa
2626	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Dược học
2627	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2628	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y học cổ truyền
2629	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y học dự phòng
2630	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y tế công cộng
2631	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Dinh dưỡng
2632	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2633	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2634	49004232	Đặng Khánh Chương	27/03/2005	Y khoa
2635	49004296	Ngô Hiền Bảo Hân	12/06/2005	Y khoa
2636	49004296	Ngô Hiền Bảo Hân	12/06/2005	Dược học
2637	49004296	Ngô Hiền Bảo Hân	12/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2638	49004378	Đặng Thị Vân Khanh	06/05/2005	Y khoa
2639	49004378	Đặng Thị Vân Khanh	06/05/2005	Dược học
2640	49004392	Trần Đỗ Đăng Khoa	15/01/2005	Y khoa
2641	49004392	Trần Đỗ Đăng Khoa	15/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2642	49004393	Võ Anh Khoa	02/12/2005	Y khoa
2643	49004515	Phan Thy Nguyên	03/04/2005	Dược học
2644	49004515	Phan Thy Nguyên	03/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2645	49004515	Phan Thy Nguyên	03/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2646	49004545	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	31/10/2005	Y khoa
2647	49004545	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	31/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2648	49004681	Lương Nguyễn Minh Thông	11/03/2005	Y khoa
2649	49004681	Lương Nguyễn Minh Thông	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2650	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Y khoa
2651	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Dược học
2652	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2653	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Y học cổ truyền
2654	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2655	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2656	50003902	Bùi Xuân An	09/02/2005	Y khoa
2657	50003902	Bùi Xuân An	09/02/2005	Dược học
2658	50003902	Bùi Xuân An	09/02/2005	Y học cổ truyền
2659	50004065	Nghiêm Vĩnh Khang	14/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2660	50004166	Trần Thanh Ngọc	10/02/2005	Y khoa
2661	50004230	Nguyễn Hoàng Như Phúc	22/04/2005	Dược học
2662	50004247	Huỳnh Lê Diễm Quí	11/01/2005	Dược học
2663	50004247	Huỳnh Lê Diễm Quí	11/01/2005	Y học cổ truyền
2664	50006258	Đồ Tinh Như	06/09/2003	Y khoa
2665	50006258	Đồ Tinh Như	06/09/2003	Dược học
2666	50006258	Đồ Tinh Như	06/09/2003	Răng-Hàm-Mặt
2667	50006258	Đồ Tinh Như	06/09/2003	Y học cổ truyền
2668	50006258	Đồ Tinh Như	06/09/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2669	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Y khoa
2670	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Dược học
2671	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2672	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Y học cổ truyền
2673	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2674	50006716	Cao Hữu Khang	08/01/2005	Y khoa
2675	50006716	Cao Hữu Khang	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2676	50006937	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/01/2005	Y khoa
2677	50006937	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2678	50006954	Trần Công Thành	17/03/2005	Dược học
2679	50006954	Trần Công Thành	17/03/2005	Y học cổ truyền
2680	50006954	Trần Công Thành	17/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2681	51000253	Đoàn Ngọc Khuê	24/02/2005	Dinh dưỡng
2682	51000769	Nguyễn Ngọc Phương Anh	04/10/2005	Y khoa
2683	51000769	Nguyễn Ngọc Phương Anh	04/10/2005	Dược học
2684	51000817	Hoàng Mạnh Cường	03/11/2005	Dược học
2685	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Y khoa
2686	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Dược học
2687	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2688	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Y học cổ truyền
2689	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Y học dự phòng
2690	51001007	Phạm Minh Khiết	01/01/2005	Y khoa
2691	51001007	Phạm Minh Khiết	01/01/2005	Dược học
2692	51001007	Phạm Minh Khiết	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2693	51001055	Nguyễn Châu Khánh Linh	01/01/2005	Y khoa
2694	51001055	Nguyễn Châu Khánh Linh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2695	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Y khoa
2696	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2697	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2698	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2699	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2700	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2701	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2702	51001227	Mai Ngọc Linh Phương	22/04/2005	Y khoa
2703	51001227	Mai Ngọc Linh Phương	22/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2704	51001316	Nguyễn Huỳnh Như Thảo	02/04/2005	Y khoa
2705	51001324	Đường Bốn Thắng	23/04/2005	Y khoa
2706	51013476	Quách Thị Kim Ngân	08/04/2005	Y khoa
2707	51013589	Phan Thành Sang	01/02/2005	Y khoa
2708	52000104	Đặng Phương Chi	21/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2709	52000237	Đàm Thanh Hiền	27/10/2005	Dược học
2710	52000313	Trần Thị Thu Huyền	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2711	52000380	Dương Anh Kiệt	20/08/2005	Y khoa
2712	52000453	Dương Phương Mạnh	09/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2713	52000571	Nhan Minh Nhật	23/09/2005	Dược học
2714	52000614	Đỗ Tuấn Phong	30/12/2005	Y khoa
2715	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Y khoa
2716	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2717	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2718	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2719	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2720	52000697	Nguyễn Xuân Trọng Sang	30/01/2005	Y khoa
2721	52000887	Nguyễn Tường Vy	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2722	52001286	Bùi Thị Hồng Minh	23/11/2005	Y khoa
2723	52001286	Bùi Thị Hồng Minh	23/11/2005	Dược học
2724	52001286	Bùi Thị Hồng Minh	23/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2725	52001370	Nguyễn Thành Nhân	22/03/2005	Y khoa
2726	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Y khoa
2727	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Dược học
2728	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2729	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2730	52004090	Lê Minh Huy	08/02/2005	Y khoa
2731	52004090	Lê Minh Huy	08/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2732	52004093	Phùng Gia Huy	24/05/2005	Dược học
2733	52004093	Phùng Gia Huy	24/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2734	52004098	Lê Thị Cẩm Huyền	12/04/2005	Dinh dưỡng
2735	52004136	Tôn Thất Minh Khôi	10/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2736	52004485	Trần Thiên Tú	12/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2737	52004485	Trần Thiên Tú	12/07/2005	Điều dưỡng
2738	52004485	Trần Thiên Tú	12/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2739	52004508	Nguyễn Thị Khánh Uyên	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2740	52006903	Mai Tuấn Kha	28/04/2005	Y khoa
2741	52006903	Mai Tuấn Kha	28/04/2005	Dược học
2742	52006903	Mai Tuấn Kha	28/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2743	52007791	Lê Vĩnh Đức	27/03/2005	Y khoa
2744	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Y khoa
2745	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Dược học
2746	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2747	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Y học cổ truyền
2748	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2749	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2750	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Dược học
2751	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2752	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Dinh dưỡng
2753	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2754	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2755	53008759	Ngô Nguyễn Triều An	14/07/2005	Y khoa
2756	53008787	Hồ Gia Bảo	24/05/2005	Dược học
2757	53008791	Ngô Lê Như Bảo	28/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2758	53008825	Nguyễn Thành Danh	21/02/2005	Y khoa
2759	53008825	Nguyễn Thành Danh	21/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2760	53008842	Nguyễn Lê Duy	04/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2761	53008842	Nguyễn Lê Duy	04/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2762	53008873	Dương Phan Duy Đức	03/02/2005	Dược học
2763	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Dược học
2764	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2765	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2766	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2767	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2768	53009058	Nguyễn Duy Bảo Ngọc	25/08/2005	Y khoa
2769	53009095	Nguyễn Minh Nhuận	18/01/2005	Y khoa
2770	53009188	Võ Hoàng Thiên Tân	29/03/2005	Y khoa
2771	53009324	Nguyễn Trần Thái Tuấn	01/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2772	53013895	Trần Minh Trí	25/09/2005	Y khoa
2773	53013895	Trần Minh Trí	25/09/2005	Dược học
2774	53013895	Trần Minh Trí	25/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2775	54002666	Vũ Ngọc Lan Anh	02/06/2004	Y khoa
2776	54002666	Vũ Ngọc Lan Anh	02/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
2777	54002935	Bùi Nhật Minh	07/09/2005	Y khoa
2778	54003060	Nguyễn Tiến Phúc	25/11/2005	Y khoa
2779	54003060	Nguyễn Tiến Phúc	25/11/2005	Dược học
2780	54003064	Cao Nam Phương	16/09/2004	Y khoa
2781	54003064	Cao Nam Phương	16/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
2782	55000148	Châu Nhật Anh	31/10/2005	Dược học
2783	55000359	Nguyễn Ngọc Lan Anh	28/12/2005	Y khoa
2784	55001887	Phạm Tiến Đạt	13/12/2005	Y khoa
2785	55001887	Phạm Tiến Đạt	13/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2786	55004459	Trịnh Lâm Tuyết Liên	21/02/2005	Dược học
2787	55004662	Nguyễn Hữu Long	02/04/2005	Y khoa
2788	55004662	Nguyễn Hữu Long	02/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2789	55004662	Nguyễn Hữu Long	02/04/2005	Y học cổ truyền
2790	55005309	Nguyễn Phú Mỹ	06/05/2005	Y khoa
2791	55005309	Nguyễn Phú Mỹ	06/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2792	55005358	Nguyễn Nhựt Nam	03/10/2004	Y khoa
2793	55005358	Nguyễn Nhựt Nam	03/10/2004	Dược học
2794	55005358	Nguyễn Nhựt Nam	03/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
2795	55006175	Lê Phương Nguyên	05/09/2005	Y khoa
2796	55006175	Lê Phương Nguyên	05/09/2005	Dược học
2797	55006175	Lê Phương Nguyên	05/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2798	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Y khoa
2799	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2800	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2801	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Dinh dưỡng
2802	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Điều dưỡng
2803	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2804	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2805	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2806	55006545	Hồ Vân Nhi	09/09/2005	Y khoa
2807	55009077	Lư Phúc Thịnh	04/01/2005	Y khoa
2808	55009077	Lư Phúc Thịnh	04/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2809	55009619	Trần Minh Thư	16/11/2005	Y khoa
2810	55009619	Trần Minh Thư	16/11/2005	Dược học
2811	55009619	Trần Minh Thư	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2812	55009641	Trần Tổng Lê Thư	29/08/2005	Y khoa
2813	55009641	Trần Tổng Lê Thư	29/08/2005	Dược học
2814	55009641	Trần Tổng Lê Thư	29/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2815	55010540	Nguyễn Minh Trí	28/12/2005	Y khoa
2816	55010540	Nguyễn Minh Trí	28/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2817	56006427	Huỳnh Diệp Tuấn	05/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2818	56007469	Nguyễn Thế Vinh	13/06/2005	Y khoa
2819	56007469	Nguyễn Thế Vinh	13/06/2005	Dược học
2820	56007469	Nguyễn Thế Vinh	13/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2821	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Dược học
2822	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2823	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Dinh dưỡng
2824	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2825	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2826	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2827	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2828	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Y khoa
2829	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Dược học
2830	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2831	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2832	56010533	Nguyễn Anh Khoa	28/01/2005	Y khoa
2833	56010533	Nguyễn Anh Khoa	28/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2834	56010667	Nguyễn Trần Thiên Phú	03/02/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2835	56010667	Nguyễn Trần Thiên Phú	03/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2836	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Y khoa
2837	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Dược học
2838	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2839	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2840	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2841	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Hộ sinh
2842	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2843	56010837	Hoắc Mai Vy	16/12/2005	Y khoa
2844	57001292	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	27/10/2005	Y khoa
2845	57001338	Lê Thị Hà Giang	01/10/2005	Y khoa
2846	57001402	Sử Ngọc Khánh	03/10/2005	Dược học
2847	57001405	Đoàn Viết Khoa	16/09/2005	Y khoa
2848	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Dược học
2849	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Dinh dưỡng
2850	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2851	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2852	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y khoa
2853	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2854	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y học cổ truyền
2855	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y học dự phòng
2856	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y tế công cộng
2857	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Dinh dưỡng
2858	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Điều dưỡng
2859	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2860	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2861	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Hộ sinh
2862	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2863	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2864	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2865	57001655	Phan Nhựt Tú	27/02/2005	Y khoa
2866	58003227	Nguyễn Lâm Yên Đan	24/08/2004	Y khoa
2867	58003227	Nguyễn Lâm Yên Đan	24/08/2004	Dược học
2868	59000498	Lý Châu Ngọc Trúc	28/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2869	59000498	Lý Châu Ngọc Trúc	28/02/2005	Dược học
2870	59000498	Lý Châu Ngọc Trúc	28/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2871	61003972	Võ Châu Trọng Phúc	16/11/2005	Dược học
2872	62001102	Nguyễn Đạt Dũng	27/03/2005	Y khoa
2873	62001102	Nguyễn Đạt Dũng	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2874	63006369	Nguyễn Quỳnh Nhi	15/07/2005	Y khoa

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH